CÔNG-STĂNG-TI-NỐP

GIAI CẤP
VÀ
ĐẤU TRANH GIAI CẤP

CHƯƠNG V CUỐN "DUY VẬT LỊCH SỬ"
DO VIỆN NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC
TRONG VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN-XÔ
XUẤT BẢN NĂM 1954

In lần thứ hai



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1957

CÔNG-STĂNG-TI-NỐP

GIAI CẤP
VÀ
ĐẤU TRANH GIAI CẤP

CHƯƠNG V CUỐN "DUY VẬT LỊCH SỬ"
DO VIỆN NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC
TRONG VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN-XÔ
XUẤT BẢN NĂM 1954

In lần thứ hai



NHÀ XUAT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1957

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tài liệu này là chương V cuốn **Duy vật lịch sử** *do Viện Nghiên cứu triết học trong Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô tập thể sáng tác và do giáo sư Công-stăng-ti-nốp chủ biên.*

Cuốn đó xuất bản lần đầu tiên năm 1951, được nhiệt liệt hoan nghênh ; đồng thời cũng được bạn đọc và các giới khoa học khắp Liên-xô (đặc biệt là báo chí, hội nghị chuyên môn các phòng nghiên cứu giáo dục đại học, hội nghị giáo sư triết học Mác và chủ nghĩa Lê-nin, các nhà sử học, kinh tế học và luật học) góp ý kiến phê bình xây dựng. Năm 1954 được tái bản, sau khi đã sửa chữa lại.

Đây là một cuốn sách giáo khoa có giá trị về triết học, trình bày một cách rõ ràng và có hệ thống cơ sở của chủ nghĩa duy vật lịch sử tức là cơ sở khoa học của chủ nghĩa Mác về quy luật chung của sự phát triển xã hội. Nó gồm 12 chương. Theo chương trình và nhu cầu học

tập lý luận năm nay của cán bộ ta, chúng tôi lần lượt dịch và xuất bản từng chương một để cung cấp thêm tài liệu học tập, tham khảo cho bạn đọc.

Những bản dịch của chúng tôi đều căn cứ theo bản Hoa văn của « Nhà xuất bản Nhân dân » Trung-quốc xuất bản ở Bắc-kinh tháng 7 năm 1955.

Hà-nội, tháng 3 năm 1956
SỰ THẬT

1. — NGUYÊN NHÂN XÃ HỘI CHIA RA GIAI CẤP. ĐỊNH NGHĨA GIAI CẤP

Sau khi chế độ công xã nguyên thủy tan rã, toàn bộ lịch sử của xã hội loài người từ đó về sau đều là lịch sử đấu tranh giai cấp. Phương thức sản xuất đã thay đổi, kết cấu giai cấp của xã hội cũng thay đổi theo, nhưng qua tất cả những thay đổi đó, trước sau xã hội vẫn chia ra làm những kẻ thống trị và những người lệ thuộc, những kẻ bóc lột và những người bị bóc lột. Chỉ có thắng lợi của chủ nghĩa xã hội mới chấm dứt sự phân chia xã hội ra thành những giai cấp đối kháng nhau, mở đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người.

Trước khi chủ nghĩa Mác ra đời, người ta đã biết về sự tồn tại của giai cấp và về sự đấu tranh lẫn nhau giữa các giai cấp. Cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, các nhà kinh tế học Anh (A-đam Smít và Ri-các-đô v.v...) đã có ý định vạch rõ cơ sở kinh tế của việc xã hội chia ra giai cấp; và những nhà sử học Pháp đầu thế kỷ XIX (Chi-e, Mi-nhê,

Ghi-dô, v.v...) đã nêu lên những biểu hiện của đấu tranh giai cấp trong cuộc cách mạng Anh và cách mạng Pháp ở thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII. Nhưng tính chất hạn chế trong phạm vi tư sản của các nhà kinh tế học và sử học ấy làm cho họ không thể hiểu được cơ sở thực sự của việc xã hội chia ra giai cấp và không thể rút ra được những kết luận về lý luận và thực tiễn xuất phát từ việc thừa nhận đấu tranh giai cấp. Chỉ có Mác và Ăng-ghen, đứng trên lập trường giai cấp vô sản cách mạng, tổng quát lịch sử xã hội loài người, mới tìm ra nguyên nhân vì sao xã hội chia ra giai cấp, sáng tạo ra lý luận đầy đủ và triệt để khoa học về giai cấp và đấu tranh giai cấp, vạch ra con đường tiêu diệt giai cấp.

Ngày 5-3-1852, trong bức thư gửi cho Vây-đơ-may-e, Mác viết : « Còn về phần tôi, công lao của tôi không phải ở chỗ tôi đã tìm ra sự tồn tại của giai cấp cũng như không phải ở chỗ tôi đã tìm ra sự đấu tranh giữa các giai cấp... Cái mới mà tôi đã làm, chỉ là ở chỗ tôi đã chứng minh rằng : 1) *sự tồn tại các giai cấp*, chỉ liên hệ *với những giai đoạn lịch sử nhất định của sự phát triển sản xuất;* 2) đấu tranh giai cấp tất nhiên dẫn tới *chuyên chính vô sản ;* 3) bản thân nền chuyên chính đó chỉ là bước quá độ chuyển sang *tiêu diệt mọi giai cấp* và chuyển sang *một xã hội không có giai cấp* (1).

Chủ nghĩa Mác đã chứng minh rằng sự tồn tại của giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn

---

(1) Mác : « Thư gửi cho Vây-đơ-may-e (5-3-1852)».

lịch sử nhất định của sự phát triển sản xuất, cho nên có thể giải thích một cách khoa học nguồn gốc của giai cấp và bản chất của giai cấp.

Xã hội có giai cấp đầu tiên sinh ra từ sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy. Trong xã hội nguyên thủy, sức sản xuất ít phát triển, năng suất lao động thấp, không có chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, cũng không có hiện tượng người bóc lột người. Khi năng suất lao động chưa đạt tới một mức nhất định thì không thể có lao động thặng dư, không thể có người bóc lột người và xã hội cũng không thể chia ra giai cấp được.

Chỉ khi năng suất lao động tăng thêm làm cho sản phẩm thặng dư xuất hiện, làm cho các công xã phân chia thành gia đình, chỉ khi phân công lao động làm cho sự trao đổi phát sinh và phát triển, và chế độ tư hữu thay thế chế độ sở hữu của công xã về tư liệu sản xuất, thì mới sinh ra những giai cấp trong xã hội và mới có tình trạng giai cấp này bóc lột giai cấp khác. Chế độ tư hữu tất nhiên đưa tới sự bất bình đẳng về tài sản trong nội bộ công xã : một số thị tộc và gia đình trở nên giàu có, một số khác trở nên nghèo đói và rơi vào địa vị lệ thuộc về kinh tế.

Từ số đông những thành viên trong thị tộc, phân hóa ra một số người sang trọng của thị tộc như quý tộc Hy-lạp, quý tộc của giống người Giéc-manh thời cổ, v . v . . . Tộc trưởng, chỉ huy quân sự, thầy cúng và những người khác đảm nhiệm công việc chung của công xã thị tộc, lợi dụng địa vị của

họ để làm giàu riêng và xâm chiếm một phần của cải của công xã.

Những cuộc xung đột quân sự ngày càng nhiều giữa các công xã càng làm cho công xã phân hóa thành giai cấp nhanh hơn. Do năng suất lao động tăng thêm mà nảy ra khả năng bóc lột và đòi hỏi phải có thêm người lao động. Việc không giết tù binh đi mà biến họ thành nô lệ, trở thành việc có lợi. Chiến lợi phẩm cũng làm cho những người giàu sang trong thị tộc càng giàu có nhanh hơn.

Hình thức đầu tiên của chế độ nô lệ sinh ra trong lòng công xã thị tộc theo kiểu gia trưởng. Đó là chế độ nô lệ trong nhà hay chế độ nô lệ theo kiểu gia trưởng. Trong chế độ nô lệ này, nô lệ được coi là những người lao động trong nhà, được sử dụng như sức lao động phụ, còn công việc sản xuất chủ yếu vẫn do những người dân tự do trong thị tộc làm như trước.

Do sức sản xuất, chế độ tư hữu và trao đổi phát triển thêm một bước, nên hình thức mới của chế độ nô lệ thay thế cho chế độ nô lệ theo kiểu gia trưởng là chế độ còn gắn bó với quan hệ thị tộc. Những công việc chủ yếu bắt đầu do nô lệ làm cả ; toàn bộ gánh nặng lao động sản xuất nô lệ phải gánh vác. Việc buôn bán nô lệ phát triển mạnh. Nô lệ bắt đầu bị coi như sức vật làm việc.

Sản xuất phát triển, chế độ tư hữu và phân công lao động ra đời, buôn bán phát đạt, nhân số tăng thêm, tất cả những cái đó phá hoại chế độ công xã thị tộc. Sự phân công lao động và việc thủ công nghiệp tách riêng ra, đã làm xuất hiện những thành

thị — trung tâm của thủ công nghiệp và của thương nghiệp. Trên nền tảng suy sụp của chế độ công xã thị tộc nguyên thủy, nẩy ra xã hội có giai cấp, xã hội nô lệ với sự đối kháng giữa giai cấp chủ nô và giai cấp nô lệ. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất làm cho một số người trong xã hội bóc lột một số người khác, đưa tới quan hệ thống trị và phục tùng về kinh tế.

Chế độ tư hữu, giai cấp và việc giai cấp này bóc lột giai cấp khác, tất cả những cái đó đều do nguyên nhân kinh tế mà ra. Nó không thể sinh ra do tác dụng của những nhân tố ngoài kinh tế như bạo lực về chính trị, cướp đoạt bằng quân sự và sự chinh phục của dân tộc này đối với dân tộc khác, như bọn ủng hộ *thuyết bạo lực* (1) giả khoa học thường nói một cách vũ đoán. Trong quyển « Chống Đu-rinh », Ăng-ghen đã vạch ra rằng : trước khi những kẻ đi cướp có thể chiếm đoạt tài sản của kẻ khác, thì đã có chế độ tư hữu rồi, « tuy bạo lực có thể thay đổi được người sở hữu tài sản, nhưng không thể sáng tạo ra bản thân chế độ tư hữu được » (2). Xưa nay, bạo lực không thể quyết định được tính chất chiếm hữu của cải của người khác. Sử dụng những tài sản cướp được

---

(1) Thuyết bạo lực do Đu-rinh chủ trương vào khoảng thế kỷ XIX, Đu-rinh cho bạo lực là một việc xấu xa tuyệt đối trong lịch sử. Một bọn người khác ủng hộ thuyết bạo lực như Gum-pờ-lô-vich lại cho là bạo lực có tác dụng tốt trong lịch sử. Hiện nay thuyết đó được bọn tư tưởng gia đế quốc dùng để bênh vực « quyền » cướp bóc bằng quân sự và đàn áp nhân dân các nước phụ thuộc.

(2) Ăng-ghen : « Chống Đu-rinh ».

trong chiến tranh như thế nào, những tài sản đó thuộc quyền sở hữu của ai, điều đó do quan hệ sản xuất chiếm địa vị thống trị quyết định, chứ quyết không phải phụ thuộc vào bản thân bạo lực. Theo nhà sử học và nhân chủng học Nga là Cô-va-lép-sky chứng minh, thì những chiến lợi phẩm (súc vật, nô lệ) của giống người Ô-xơ-tin nguyên xưa là những vật phẩm thuộc quyền sở hữu công cộng, tù binh trở thành nô lệ của toàn thể công xã, những sản phẩm lao động của nô lệ bỏ vào kho của cải chung (1) ; nhưng sau khi chế độ tư hữu xuất hiện, thì chiến lợi phẩm trở thành thủ đoạn làm giàu của cá nhân, và làm cho hiện tượng tài sản bất bình đẳng càng tăng thêm nhanh hơn. Do đó có thể thấy rằng, bạo lực không thể là nguyên nhân làm xuất hiện chế độ tư hữu, làm cho xã hội chia ra giai cấp, làm cho giai cấp này bóc lột giai cấp khác ; nhưng bạo lực thúc đẩy những hiện tượng đó tăng thêm và vững chắc hơn, đó là điều không ai có thể nghi ngờ được.

Đặc điểm của việc xã hội chia thành giai cấp, trước hết là quan hệ giữa các giai cấp về mặt sản xuất của cải vật chất. Sự khác nhau giữa các giai cấp là *do địa vị khác nhau của các giai cấp trong hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử quyết định*. Như thế nghĩa là mỗi giai cấp đều gắn liền với phương thức sản xuất nhất định này hay phương thức sản xuất nhất định khác trong lịch sử, và mỗi một phương thức sản xuất có tính

(1) Xem « Thói quen ngày nay và pháp luật ngày xưa » của Cô-va-lép-sky.

chất đối kháng đều có một cách phân chia giai cấp xã hội riêng của phương thức sản xuất đó : phương thức sản xuất của chế độ nô lệ chia ra giai cấp chủ nô lệ và giai cấp nô lệ, phương thức sản xuất phong kiến chia ra giai cấp chủ phong kiến và giai cấp nông nô, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chia ra giai cấp nhà tư bản và giai cấp vô sản. Quan hệ sản xuất trong các xã hội có giai cấp đối kháng mang hình thức quan hệ thống trị và phục tùng ; trong nội bộ hệ thống sản xuất xã hội đó, địa vị các giai cấp đối kháng nhau : giai cấp này là giai cấp thống trị, giai cấp kia là giai cấp phục tùng.

Địa vị khác nhau trong hệ thống sản xuất xã hội đẻ ra từ *quan hệ khác nhau của các giai cấp đối với tư liệu sản xuất*. Giai cấp thống trị nắm độc quyền tư liệu sản xuất, như thế nghĩa là toàn bộ tư liệu sản xuất hoặc ít nhất những tư liệu sản xuất quan trọng nhất là thuộc về giai cấp đó, còn giai cấp bị áp bức thì không có những tư liệu sản xuất ấy, và ở vào địa vị phụ thuộc về kinh tế. Điều đó cũng làm cho giai cấp thống trị có thể chiếm đoạt lao động của giai cấp bị áp bức, có thể bóc lột giai cấp bị áp bức. Phàm nơi nào có một số người trong xã hội độc chiếm tư liệu sản xuất, thì những người lao động nơi đó, ngoài thời gian lao động cần thiết để nuôi sống mình ra, còn phải tiêu phí thời gian lao động thặng dư để nuôi sống những người sở hữu tư liệu sản xuất nữa.

chất đối kháng đều có một cách phân chia giai cấp xã hội riêng của phương thức sản xuất đó: phương thức sản xuất của chế độ nô lệ chia ra giai cấp chủ nô lệ và giai cấp nô lệ, phương thức sản xuất phong kiến chia ra giai cấp chủ phong kiến và giai cấp nông nô, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chia ra giai cấp nhà tư bản và giai cấp vô sản. Quan hệ sản xuất trong các xã hội có giai cấp đối kháng mang hình thức quan hệ thống trị và phục tùng; trong nội bộ hệ thống sản xuất xã hội đó, địa vị các giai cấp đối kháng nhau: giai cấp này là giai cấp thống trị, giai cấp kia là giai cấp phục tùng.

Địa vị khác nhau trong hệ thống sản xuất xã hội đẻ ra từ *quan hệ khác nhau của các giai cấp đối với tư liệu sản xuất*. Giai cấp thống trị nắm độc quyền tư liệu sản xuất, như thế nghĩa là toàn bộ tư liệu sản xuất hoặc ít nhất những tư liệu sản xuất quan trọng nhất là thuộc về giai cấp đó, còn giai cấp bị áp bức thì không có những tư liệu sản xuất ấy, và ở vào địa vị phụ thuộc về kinh tế. Điều đó cũng làm cho giai cấp thống trị có thể chiếm đoạt lao động của giai cấp bị áp bức, có thể bóc lột giai cấp bị áp bức. Phàm nơi nào có một số người trong xã hội độc chiếm tư liệu sản xuất, thì những người lao động nơi đó, ngoài thời gian lao động cần thiết để nuôi sống mình ra, còn phải tiêu phí thời gian lao động thặng dư để nuôi sống những người sở hữu tư liệu sản xuất nữa.

Do đặc điểm căn bản có tính chất quyết định là quan hệ khác nhau đối với tư liệu sản xuất, mà sinh ra mọi đặc điểm khác của giai cấp, kể cả *tác dụng khác nhau của các giai cấp trong tổ chức lao động xã hội*. Giai cấp bóc lột chiếm địa vị thống trị, tuy chỉ là một số ít trong nhân dân, nhưng lại nắm quyền quản lý sản xuất và quản lý Nhà nước, biến lao động trí óc thành công việc độc quyền của chúng, còn đại đa số nhân dân thì thuộc giai cấp bị áp bức, bị bóc lột, không thể không làm công việc lao động chân tay nặng nhọc.

Hễ là giai cấp chiếm hữu tư liệu sản xuất thì đều lãnh đạo sản xuất, có thể nói đó là một định lý. Trong quyển « Tư bản », Mác đã vạch ra rằng : « Nhà tư bản sở dĩ là nhà tư bản không phải vì hắn quản lý xí nghiệp công nghiệp, mà trái lại, nhà tư bản sở dĩ thành người lãnh đạo công nghiệp, là vì hắn là nhà tư bản. Quyền lực cao nhất trong công nghiệp trở thành thuộc tính của tư bản, cũng như quyền lực tối cao về quân sự và tòa án trong thời đại phong kiến là thuộc tính của chế độ sở hữu ruộng đất » (1).

Khi quan hệ sản xuất hiện có do giai cấp thống trị tiêu biểu, đã thối nát và trở thành chướng ngại nghiêm trọng đối với sự phát triển của sức sản xuất, thì tác dụng của giai cấp đó trong tổ chức lao động của xã hội cũng thay đổi. Mặc dầu nó vẫn là kẻ chiếm hữu tư liệu sản xuất, nhưng nó đã mất hết tác dụng tổ chức trong sản xuất và thoái hóa thành con bọ ăn bám trong cơ thể của xã hội. Bọn quý tộc chiếm hữu ruộng đất trước kia như thế, mà giai cấp tư sản ngày nay cũng như thế. Trong nội

---

(1) Mác : « Tư bản » **tập I**

bộ giai cấp tư sản, tách ra một lớp người hưởng lãi đông đảo, sống nhờ vào thu nhập của những chứng phiếu có giá trị, nhờ vào việc «cắt phiếu lãi». Tính chất ăn bám ngày càng tăng của giai cấp tư sản chứng minh rằng giai cấp tư sản đã thối nát, không những nó không cần tham gia sản xuất, mà còn trực tiếp trở ngại cho việc phát triển sản xuất nữa, vì thế giai cấp đó tất nhiên phải bị tiêu diệt bằng bạo lực.

Quan hệ khác nhau đối với tư liệu sản xuất cũng quyết định cả sự khác nhau về *phương thức thu nhận một phần của cải xã hội nhiều hay ít* mà mỗi giai cấp được quyền chi phối. Thí dụ, nhà tư bản thu nhập dưới hình thức *lợi nhuận* của số vốn đầu tư trong các xí nghiệp, bằng cách chiếm đoạt giá trị thặng dư do công nhân làm ra. Ngược lại, công nhân làm thuê, người vô sản thu nhập dưới hình thức *tiền công* không đủ để bù lại giá trị sức lao động của mình. Giai cấp bóc lột tuy chiếm số rất ít không đáng kể trong nhân dân, nhưng thường chiếm đại bộ phận thu nhập của xã hội.

Lê-nin đã tóm tắt một cách thiên tài tất cả những đặc điểm và đặc trưng nói rõ bản chất việc phân chia giai cấp của xã hội thành định nghĩa dưới đây: «Gọi là các giai cấp, tức là những tập đoàn người đông đảo khác nhau về địa vị trong hệ thống sản xuất xã hội nhất định trên lịch sử, khác nhau về quan hệ đối với tư liệu sản xuất (đại bộ phận quan hệ này được quy định bằng giấy tờ trên pháp luật), khác nhau về tác dụng trong tổ chức lao động xã hội, và do đó khác nhau về phương thức thu nhận một phần của cải xã hội nhiều hay ít mà mình

có quyền sử dụng. Giai cấp là những tập đoàn người do địa vị khác nhau trong kết cấu kinh tế xã hội nhất định, mà tập đoàn này có thể chiếm hữu lao động của tập đoàn khác » (1).

Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chiếm địa vị thống trị, là đặc điểm chung của hết thảy mọi hình thái xã hội có giai cấp đối kháng, đồng thời mỗi hình thái xã hội lại có một hình thức chế độ tư hữu riêng biệt, cho nên cũng có một phương thức bóc lột giai cấp riêng biệt. Chế độ nô lệ, chế độ nông nô, lao động làm thuê là ba phương thức bóc lột lần lượt thay thế nhau, là ba giai đoạn phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng.

Trong xã hội nô lệ và xã hội phong kiến, những người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất (nô lệ và nông nô) về pháp luật hoàn toàn không có chút quyền gì và về con người thì lệ thuộc vào những kẻ sở hữu tư liệu sản xuất. Trong những xã hội ấy, sự khác nhau về giai cấp được quyền lực Nhà nước ấn định chặt chẽ bằng cách chia nhân dân thành các *đẳng cấp*. Đối với mỗi đẳng cấp, *về pháp luật* đều có quy định địa vị đặc biệt trong Nhà nước, và một số quyền lợi và nghĩa vụ. Cho nên, các giai cấp trong xã hội nô lệ và trong xã hội nông nô phong kiến cũng là những đẳng cấp đặc biệt (2).

(1) Lê-nin: « Tuyển tập ».

(2) Giai cấp thống trị là đẳng cấp trên (ví dụ quý tộc và lớp thầy tu trong xã hội phong kiến). Khác với đẳng cấp dưới, nó có đặc quyền nhất định trong pháp luật (quý tộc được miễn thuế, không bị trừng phạt bằng nhục hình, chỉ có tòa án đặc biệt của quý tộc mới xét xử được, có quyền chiếm hữu trại ấp và nông nô, v.v. .)

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa làm cho sự phân chia giai cấp trong xã hội giản đơn hơn, khiến các giai cấp trút bỏ cái vỏ đẳng cấp bề ngoài. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, những người trực tiếp sản xuất (công nhân và nông dân) về pháp luật thì tự do, nhưng về kinh tế lại phụ thuộc vào những người sở hữu tư liệu sản xuất.

Mỗi phương thức sản xuất có tính chất đối kháng đều đẻ ra hai giai cấp cơ bản. Chủ nô và nô lệ, chủ phong kiến và nông nô, tư sản và vô sản, đó là những *giai cấp cơ bản* của các xã hội có giai cấp. Sự tồn tại của các giai cấp ấy trực tiếp sản sinh ra từ phương thức sản xuất làm cơ sở cho các hình thái kinh tế xã hội ấy. Trong quan hệ qua lại và đấu tranh giữa các giai cấp ấy, biểu hiện mâu thuẫn chủ yếu của các phương thức sản xuất ấy. Nhưng ngoài phương thức sản xuất chiếm địa vị thống trị ra, trong các hình thái xã hội có giai cấp còn có tàn dư của những phương thức sản xuất trước kia xuất hiện dưới hình thức những kết cấu kinh tế đặc biệt. Cho nên, thông thường ngoài những giai cấp cơ bản ra, còn có những giai cấp *không cơ bản*, giai cấp *quá độ*. Ví như ở những nước tư bản chủ nghĩa mà tàn dư phong kiến còn tương đối nhiều thì giai cấp địa chủ tồn tại với tư cách là giai cấp không cơ bản. Trong nhiều nước tư bản, có nhiều tầng lớp của giai cấp tiểu tư sản (tiểu nông, người thủ công) từ thời kỳ phong kiến rớt lại. Giai cấp tư sản không những chỉ bóc lột người vô sản, mà còn bóc lột tất cả mọi người lao động khác, nhất là nông dân. Chủ nghĩa tư bản

làm cho số ít người giàu thêm, và số đông người nghèo đi. Tất cả những việc ấy làm cho mâu thuẫn giai cấp không thể nào tránh khỏi sâu sắc thêm.

Trình bày rõ cơ sở vật chất của việc phân chia xã hội thành giai cấp, sẽ có thể vạch trần được tính chất đối lập về lợi ích căn bản giữa các giai cấp đối kháng và tính chất không thể điều hòa được của các lợi ích đó. Cho nên, việc bọn xã hội học tư sản định che đậy sự đối lập giai cấp, bất chấp cả sự thật, dùng trăm phương nghìn kế để làm rắc rối vấn đề nguồn gốc và bản chất của việc xã hội phân chia thành giai cấp, điều đó không có gì lạ cả. Phần đông bọn đại biểu của xã hội học tư sản phản động, nói chung đều phủ nhận sự tồn tại của giai cấp. Nhiều nhà chính trị, nhà xã hội học và phóng viên tư sản Mỹ ca tụng « lối sống kiểu Mỹ », đặc biệt truyền bá tư tưởng ấy. Trong hội nghị hội đồng kinh tế xã hội của Liên hợp quốc năm 1948, đại biểu Mỹ là Tóc-pơ tuyên bố rằng : công nhân ở nước Mỹ là chủ xí nghiệp, mà chủ xí nghiệp cũng là công nhân. Những lời khoác lác đó để lừa bịp những người đầu óc giản đơn, đã bị tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản hoàn toàn bác bỏ. 1% dân số ở Mỹ (tư bản lớp trên) chiếm 59% tổng số của cải toàn quốc, 12% dân số chiếm 33% tổng số của cải toàn quốc, còn 87% dân số còn lại tức là công nhân và nông dân chỉ chiếm 8% tổng số của cải toàn quốc, như thế mà nói ở Mỹ không có giai cấp thì thử hỏi câu nói ấy có nghĩa lý gì không !

Vì những sự thật chứng minh cho việc xã hội phân chia thành giai cấp đã quá rõ rệt như thế, cho nên nhiều nhà xã hội học tư sản không dám trực tiếp phủ nhận sự tồn tại của giai cấp. Nhưng họ lại định che lấp cơ sở kinh tế vật chất của việc phân chia giai cấp. Đại biểu của phái *tâm lý* học trong xã hội học ở Mỹ (bọn Rốt-sơ, Bô-ga-đúc, Béc-na-dơ v.v...) lại định nghĩa giai cấp là những tập đoàn người có tâm lý, tình cảm giống nhau và có cảm xúc giống nhau đối với hoàn cảnh bên ngoài. Đại biểu của phái *sinh vật* học trong xã hội học (bọn Bô-ra-un, Hen-le-béc) nói liều rằng cơ sở của việc xã hội chia thành giai cấp là sự khác nhau về sinh vật học của người ta, « là giá trị khác nhau giữa các giống người ». Đại biểu của bọn tôn giáo ngu dân tức là phái Tô-mát mới (bọn Ha-rin-tôn, Ken-ne-đi) thì cho rằng sự tồn tại của giai cấp là do Thượng đế quy định. Những phần tử phản động như bọn U-ô-nen, Lan-tơ nói liều rằng cơ sở của sự khác nhau về giai cấp không phải là địa vị của người ta trong hệ thống kinh tế xã hội, mà là đẳng cấp xã hội do sự giáo dục và liên hệ xã hội, v.v... của người ta quyết định. Tất cả những « lý luận » ấy bất chấp cơ sở vật chất của việc phân chia xã hội thành giai cấp, hoặc là cố sức xóa nhòa, che lấp sự khác nhau giữa các giai cấp, hoặc là cố sức nói rằng sự khác nhau ấy là vĩnh viễn, là tự nhiên, không thể xóa bỏ được. Cả hai cách nói trên đều giải thích cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là không có ý nghĩa gì.

Bọn thủ lĩnh của đảng Xã hội cánh hữu quỳ gối cúi đầu trước giai cấp tư sản, cũng tuyên truyền rằng cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản không có ý nghĩa gì, rằng cần phải có sự « hợp tác » giai cấp. Vì mục đích ấy, chúng thường lợi dụng cái gọi là thuyết « tổ chức » và thuyết « phân phối » giai cấp. Thuyết « tổ chức » — Bốc-đa-nốp là một trong những người sáng lập ra thuyết này — quả quyết rằng sở dĩ có giai cấp là do người ta chia ra làm « người tổ chức » và người chấp hành. Thuyết ấy đã bỏ quên đặc điểm chủ yếu của giai cấp là quan hệ đối với tư liệu sản xuất, và tác dụng của các giai cấp trong tổ chức lao động xã hội hoàn toàn do quan hệ ấy quyết định. Những người ủng hộ thuyết ấy tuyên bố rằng các giai cấp có chức năng khác nhau trong quá trình sản xuất, bổ sung lẫn cho nhau. Tên phản bội số một của chủ nghĩa xã hội là Ren-ne đã mượn thuyết « tổ chức » để tuyên truyền trong cuốn « Thế giới mới và chủ nghĩa xã hội » (1946) rằng : nhà tư bản « đã tiêu tan trong ý thức của đại đa số người », vì chức năng tổ chức của nhà tư bản trong quá trình sản xuất đã chuyển sang những phần tử trí thức làm công tác hành chính và kỹ thuật. Vì muốn cứu bọn tư bản thoát khỏi cách mạng, Ren-ne cố sức làm cho công nhân tin rằng hình như họ không còn đối tượng đấu tranh nữa.

Cái gọi là thuyết « phân phối » cũng phục vụ cho mục đích cứu vãn chủ nghĩa tư bản, thuyết ấy cho rằng sự khác nhau giữa các giai cấp chỉ là ở nguồn thu nhập và số thu nhập nhiều hay ít mà thôi ;

đồng thời che lấp sự đối lập căn bản giữa các giai cấp, mà sự đối lập đó lại sinh ra từ quan hệ khác nhau của các giai cấp đó đối với tư liệu sản xuất. Lý luận này hồi đó do Cao-sky, Béc-nơ-stanh chủ trương, và ngày nay được một số thủ lĩnh của đảng xã hội cánh hữu và phần tử quan liêu trong công đoàn như bọn Du-bin-sky ở Mỹ tuyên truyền.

Thuyết « phân phối » nói với công nhân rằng : giai cấp vô sản sở dĩ phải đấu tranh giai cấp, không phải để thay đổi phương thức sản xuất, mà chỉ là để thay đổi phương thức phân phối, tức là không phải để cải tạo xã hội bằng cách mạng mà là để đi tới những sự cải lương lẻ tẻ. Tư tưởng lừa bịp cho là dưới chế độ tư bản chủ nghĩa có thể thực hành « điều hòa » giai cấp trên cơ sở phân phối lại của cải thu nhập cho « công bằng » hơn, tư tưởng ấy được giải thích bằng phương pháp như thế đó, chính sách cải lương có lợi cho giai cấp tư sản cũng dùng phương pháp ấy để tự bào chữa.

Ngược lại, lý luận giai cấp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin là một thứ lý luận có tính chất khoa học đanh thép, nó dẫn tới kết luận : tiến hành đấu tranh giai cấp là để thay đổi phương thức sản xuất, là để lật đổ phương thức sản xuất thối nát và xây dựng phương thức sản xuất mới, tức là để cải tạo cả chế độ xã hội bằng cách mạng. Vì thế đấu tranh giữa các giai cấp đối kháng là cuộc đấu tranh không thể điều hòa được, là cuộc đấu tranh một mất một còn. Cho nên lý luận giai cấp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin là cơ sở của chính sách đấu tranh giai cấp không điều hòa của giai cấp vô sản

chống bọn bóc lột. Nó vạch cho giai cấp vô sản con đường và thủ đoạn thực tế để giành giải phóng và đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Sta-lin viết: « Cơ sở *sách lược* của chủ nghĩa xã hội khoa học là học thuyết về đấu tranh giai cấp không điều hòa, vì đó là vũ khí *tốt nhất* trong tay giai cấp vô sản. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là vũ khí của giai cấp vô sản dùng để giành lấy chính quyền, rồi sau đó tước đoạt giai cấp tư sản để xây dựng chủ nghĩa xã hội » (1).

2. — ĐẤU TRANH GIAI CẤP LÀ ĐỘNG LỰC LỊCH SỬ CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG

Học thuyết về đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác đã chấm dứt lịch sử quan phản khoa học, coi lịch sử là một mớ sự việc rối beng (mỗi một cá nhân trong đó hoạt động không liên quan gì đến người khác). Chủ nghĩa Mác đã cho ta một đầu mối chỉ đạo, khiến chúng ta có thể tìm ra được quy luật trong những sự việc lịch sử rối ren của xã hội có giai cấp, đó là lý luận đấu tranh giai cấp. Mác và Ăng-ghen đã chứng minh rằng: đấu tranh giai cấp là quy luật của lịch sử, quy luật ấy hoạt động trong mọi xã hội có giai cấp đối

(1) Sta-lin: « Toàn tập », tập 1

kháng. Đấu tranh giai cấp diễn biến suốt trong toàn bộ lịch sử xã hội có giai cấp, nó là động lực thúc đầy xã hội có giai cấp phát triển.

Theo quy luật ấy, thì sự phát triển của mọi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng đều quyết định bởi sự biến đổi của quan hệ lẫn nhau giữa các giai cấp trong lĩnh vực sản xuất của cải vật chất, bởi cuộc đấu tranh của các giai cấp nhằm giành tác dụng và địa vị trong việc sản xuất và phân phối của cải vật chất, nhằm cải tạo xã hội đến tận gốc rễ.

Đấu tranh giai cấp tiến hành trong mọi lĩnh vực sinh hoạt xã hội. Các giai cấp tiến hành *đấu tranh kinh tế* với nhau để giành tác dụng và địa vị trong việc sản xuất và phân phối của cải vật chất. Các giai cấp tiến hành *đấu tranh chính trị* để giành chính quyền Nhà nước, để thay đổi hình thức Nhà nước và chế độ chính trị. Chính trị là quan hệ giữa các giai cấp ; nó biểu hiện kinh tế của xã hội có giai cấp, biểu hiện lợi ích của mỗi giai cấp nhất định và biểu hiện đấu tranh giai cấp, bằng hình thức tập trung nhất và khái quát nhất. Đấu tranh giai cấp cũng tiến hành cả trong *lĩnh vực tư tưởng*, dưới hình thức đấu tranh giữa tư tưởng và lý luận xã hội tiên tiến phục vụ lợi ích của giai cấp cách mạng với tư tưởng và lý luận phản động phục vụ lợi ích của giai cấp suy tàn.

Vì sợ nhân dân bị áp bức và sợ cách mạng, nên các nhà tư tưởng của các giai cấp phản động phủ nhận đấu tranh giai cấp, hoặc nói liều rằng đấu tranh

đảo Xi-xi-lơ do Ép-na và Cơ-lê-ôn lãnh đạo, cuộc khởi nghĩa của nô lệ và dân tự do ở Tiểu Á do A-rit-tô-nic cầm đầu, và cuối cùng là cuộc khởi nghĩa nô lệ đại quy mô do Spác-ta-cút cầm đầu, cuộc khởi nghĩa này kéo dài trong vòng 3 năm (từ năm 74 đến năm 71 trước kỷ nguyên), có hơn 10 vạn nô lệ tham gia.

Phong trào cách mạng của nô lệ đã phá hoại chế độ nô lệ. Tuy khởi nghĩa của nô lệ có tác dụng lịch sử rất lớn trong việc tiêu diệt chế độ nô lệ, nhưng nô lệ đã không thu được và không thể thu được thắng lợi. Đó là vì giai cấp nô lệ không phải là người tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới, tiến bộ hơn. Nô lệ từng mong mỏi được giải phóng thoát khỏi chế độ nô lệ, nhưng nô lệ không thể xây dựng được xã hội mới.

Trong xã hội *phong kiến* thay thế cho xã hội nô lệ, cuộc đấu tranh giai cấp của người bị bóc lột chống kẻ bóc lột đã lên đến một giai đoạn cao hơn. Khác với nô lệ là những khối người thường thường phức tạp, gồm nhiều bộ lạc khác nhau, nói tiếng khác nhau, nông nô mỗi nước đều là quần chúng gần nhau về chủng tộc hơn, điều đó có lợi cho cuộc phát động chung của họ. Nông dân thời trung cổ là những thành viên của công xã nông thôn, các công xã ấy chống lại địa chủ rất mạnh mẽ, có lúc thì bị động, có lúc thì chủ động.

Trong thời đại phong kiến, nông dân bị áp bức ở tất cả mọi nước đều đã từng đấu tranh để giành ruộng đất tức tài sản của chúa phong kiến và để thoát khỏi địa vị phụ thuộc của nông

nô. Những cuộc đấu tranh ấy diễn biến thành một loạt khởi nghĩa, những cuộc khởi nghĩa lớn nhất là : khởi nghĩa nông dân do Uốt Tay-lơ lãnh đạo ở Anh (năm 1381), khởi nghĩa « Giắc-cơ-ri » ở Pháp (năm 1358), khởi nghĩa Đôn-xi-nô ở Ý (năm 1303 — 1307), chiến tranh nông dân ở Đức từ năm 1524 đến 1525. Ở Nga, mấy cuộc khởi nghĩa do I-văng Bô-lốt-ni-cốp lãnh đạo (1606 — 1607), do Stê-phan Ra-din lãnh đạo (1666 — 1671), do Kôn-đơ-ra-chi-ia Bu-la-vin lãnh đạo (1707 — 1708), do Iê-mê-lian Pu-ga-sếp lãnh đạo (1773 — 1775), đều là những cuộc khởi nghĩa quy mô rất lớn. Những cuộc khởi nghĩa ấy biểu hiện lòng căm thù tự phát của nông dân bị áp bức đối với ách áp bức phong kiến. Một nhà soạn biên niên sử đã bình luận cuộc khởi nghĩa của Bô-lốt-ni-cốp như sau : « Bọn giặc ấy muốn giết Nga hoàng và đại quý tộc ». Ở Trung-quốc, chế độ phong kiến tồn tại trên dưới 3.000 năm, có trên 300 cuộc khởi nghĩa nông dân đại quy mô. Mao-Trạch-Đông nói : « Trong xã hội phong kiến Trung-quốc, chỉ có những cuộc đấu tranh giai cấp ấy của nông dân, chỉ có những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh ấy của nông dân mới là động lực chân chính thúc đẩy lịch sử phát triển (1) ». Trong những cuộc khởi nghĩa ấy, lớn nhất là cuộc chiến tranh nông dân năm 1628 — 1644 (hồi ấy, đội quân cách mạng của nông dân đã chiếm được Bắc-kinh) và cuộc chiến tranh nông dân năm 1861 — 1864 (thường gọi là phong trào Thái bình thiên quốc).

(1) Mao-Trạch-Đông : « Tuyển tập ». Tập 2.

Mặc dù một số cuộc khởi nghĩa của nông dân có giành được thắng lợi tạm thời, nhưng tất cả mọi cuộc khởi nghĩa cuối cùng đều bị chúa phong kiến đàn áp. Nhược điểm của phong trào nông dân là tính chất tự phát và vô tổ chức, đó là do tính chất phân tán của kinh tế nông dân quyết định. Chỉ có dưới sự lãnh đạo của giai cấp thành thị cách mạng đoàn kết nhất trí, nông dân mới có thể thắng được chúa phong kiến. Giai cấp ấy thành hình trong lòng xã hội phong kiến cùng với sự phát triển của phương thức sản xuất mới, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Thủ công nghiệp, công trường thủ công và thương nghiệp phát triển thì giai cấp tư sản và số người vô sản làm thuê cũng tăng lên. Những cuộc phát động có tính chất quyết định nhất của nông dân bị áp bức chống chế độ phong kiến gắn liền với những cuộc khởi nghĩa của bình dân, tức là tầng lớp thấp nhất trong dân cư thành thị, dân nghèo thành thị. Song dân nghèo thành thị quá yếu ớt, vô tổ chức và dốt nát không biết gì nên không thể trở thành lãnh tụ của nông dân được. Ở phương Tây, trong các cuộc cách mạng tư sản từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, giai cấp tư sản đã trở thành giai cấp lãnh đạo nông dân đấu tranh chống chế độ phong kiến. Nhưng sau khi giai cấp vô sản thành hình và tiến hành đấu tranh độc lập, thì giai cấp tư sản trở thành giai cấp phản cách mạng. Và đến thế kỷ thứ XX, ở Nga và về sau ở các nước khác, giai cấp vô sản cách mạng đã trở thành lãnh tụ của nông dân.

Do cách mạng tư sản thắng lợi, chế độ phong kiến đã nhường chỗ cho chế độ *tư bản chủ nghĩa*, chế độ này đã trở thành vũ đài đấu tranh giai cấp gay gắt nhất giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản bắt đầu từ khi đại công nghiệp cơ khí phát triển, và những cuộc phát động độc lập đầu tiên của giai cấp vô sản trên vũ đài đấu tranh chính trị xảy ra vào khoảng từ những năm 30 đến những năm 40 thế kỷ thứ XIX : khởi nghĩa của công nhân dệt ở Ly-ông năm 1831 và năm 1834 ở Pháp, phong trào hiến chương năm 1836 — 1848 ở Anh, khởi nghĩa của công nhân dệt Xi-lê-di năm 1844 ở Đức. Sau khi hình thành giai cấp, thì giai cấp vô sản trở thành lực lượng cách mạng lớn nhất. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản đã giành được thắng lợi có tính chất quyết định ở Nga : năm 1917, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, nước Nga đã hoàn thành Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, cuộc cách mạng ấy đã mở một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người : kỷ nguyên cộng sản chủ nghĩa.

Khác với những giai cấp bị bóc lột trước kia, giai cấp vô sản xuất hiện với vai trò người tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới, phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, mà phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa mới ấy nhất định phải thay thế cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thối nát ở tất cả các nước. Cho nên, kết quả đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản không phải thay thế một hình thức bóc lột này bằng một hình thức

bóc lột khác, mà là tiêu diệt hết mọi hình thức người bóc lột người. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản tất nhiên đưa đến chủ nghĩa cộng sản, vì thế, cuộc đấu tranh giai cấp ấy xuất hiện với vai trò là động lực thúc đẩy lịch sử xã hội hiện nay phát triển.

3. — TÁC DỤNG LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN. GIAI CẤP VÔ SẢN LÀ LÃNH TỤ VÀ NGƯỜI LÃNH ĐẠO NHỮNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG NGƯỜI BỊ ÁP BỨC

Công lao lớn nhất của Mác và Ăng-ghen là đã tìm ra tác dụng có ý nghĩa lịch sử thế giới của giai cấp vô sản : giai cấp vô sản là giai cấp cách mạng có sứ mệnh lật đổ chủ nghĩa tư bản, đưa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản.

Sở dĩ giai cấp vô sản là giai cấp cách mạng nhất, không phải vì nó là giai cấp nghèo đói nhất, cùng khổ nhất. Chủ nghĩa tư bản không những làm cho người vô sản nghèo đói và khổ cực, mà còn làm cho hàng trăm triệu tiểu nông và dân nghèo thành thị, cùng hàng vạn « những người vô sản lưu manh » (những người mất gốc rễ giai cấp và rơi xuống hạng cùng đinh), v.v... cũng nghèo đói và khổ cực, song những tầng lớp ấy và những tập đoàn dân cư ấy lại không phải là cách mạng nhất. Tính chất cách mạng triệt để của giai cấp vô sản là do địa

vị của nó trong hệ thống sản xuất tư bản chủ nghĩa quyết định. Giai cấp vô sản là lực lượng cơ bản của việc sản xuất của cải vật chất cần thiết cho sinh hoạt xã hội. Giai cấp vô sản khác với nông dân, nông dân gắn liền với hình thức kinh tế lạc hậu nhất, tức là nền sản xuất nhỏ, và cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, trong nông dân cũng sinh ra phân hóa giai cấp; còn giai cấp vô sản thì tăng thêm không ngừng cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Giai cấp vô sản gắn liền với nền sản xuất lớn bằng máy móc, và là người tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiến bộ nhất, phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Giai cấp vô sản là giai cấp bị bóc lột, nên không có quyền sở hữu tư liệu sản xuất. Như Mác và Ăng-ghen đã nói trong « Tuyên ngôn Đảng cộng sản », trong cách mạng, người vô sản không mất gì hết ngoài xiềng xích ra, mà được thì lại được cả thế giới.

Chỉ có xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, do đó mà tiêu diệt mọi hiện tượng người bóc lột người, thì giai cấp vô sản mới khỏi bị bóc lột. Vì thế, khi giai cấp vô sản giải phóng cho mình, thì đồng thời cũng làm cho hết thảy mọi người lao động thoát khỏi ách áp bức giai cấp.

Giai cấp vô sản được bản thân điều kiện lao động của họ trong nền sản xuất lớn liên hợp lại và gây thành thói quen có kỷ luật và tổ chức, cho nên họ có thể có hành động đoàn kết nhất trí, tự giác và có tổ chức hơn mọi giai cấp lao động khác.

Giai cấp vô sản đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, không phải tác chiến đơn độc. Giai cấp

vô sản có bạn đồng minh của mình, và nhất định phải tranh thủ những bạn đồng minh ấy về phía mình. Là giai cấp cách mạng triệt để duy nhất trong xã hội tư bản, giai cấp vô sản có sứ mệnh trở thành thủ lĩnh (tức là người lãnh đạo, là lãnh tụ) phong trào cách mạng của tất cả những người lao động và những người bị bóc lột. Phát triển tư tưởng của Mác — Ăng-ghen về tác dụng lịch sử của giai cấp vô sản, Lê-nin đã vạch ra một cách toàn diện những nguyên lý về quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong phong trào cách mạng, về giai cấp vô sản là người lãnh đạo cách mạng của hết thẩy quần chúng lao động bị bóc lột, bị áp bức. Lê-nin cho rằng : giai cấp vô sản có ý thức về vai trò của người lãnh đạo và thực hiện được vai trò ấy, đó là một trong những điều kiện quan trọng nhất của tính chất cách mạng của giai cấp vô sản (1).

Trong xã hội tư bản có nhiều quần chúng lao động phi vô sản, tức là các tầng lớp thường gọi là tầng lớp trung gian (nông dân, người thủ công,v.v...) trong nhân dân, họ gắn liền với nền sản xuất hàng hóa nhỏ, ở vào địa vị giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Họ gần với giai cấp vô sản, vì họ lao động, lại bị địa chủ và nhà tư bản áp bức ; họ gần với giai cấp tư sản, vì họ là người tư hữu, là người sản xuất hàng hóa. Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, tầng lớp trung gian bị chèn ép, bị phân hóa và tan rã : tuyệt đại đa số tiểu-nông và

---

(1) Xem « Chủ nghĩa cải lương trong đảng Xã hội dân chủ Nga » của Lê-nin.

người thủ công phá sản, nghèo khổ đi, mất hết tài sản của mình và chuyển sang hàng ngũ giai cấp vô sản ; một số rất ít thì phát tài, chuyển sang hàng ngũ của giai cấp tư sản.

Nhưng, ngoài nước Anh ra, trong bất cứ một nước tư bản nào, quá trình nông dân phân hóa như thế cũng không làm mất được giai cấp nông dân. Nông dân tiếp tục tồn tại với vai trò là giai cấp những người sản xuất hàng hóa nhỏ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, họ ở rải rác khắp nơi trong toàn quốc. Nông dân và người thủ công lao động đơn độc trong nền kinh tế nhỏ của mình, sử dụng kỹ thuật lạc hậu, họ là nô lệ của chế độ tư hữu. Họ bị địa chủ, phú nông và bọn cho vay nặng lãi bóc lột. Trong nhiều nước tư bản, tầng lớp trung gian, trước hết là tiểu nông, chiếm từ 30 đến 45% nhân số, còn ở những nước chủ nghĩa tư bản không phát đạt lắm, con số đó thậm chí lên đến 60 — 70%. Những tầng lớp ấy là hậu bị quân quan trọng của cách mạng vô sản ; để tranh thủ họ về phía mình, giai cấp vô sản phải đấu tranh với giai cấp tư sản.

Giai cấp vô sản có thắng được tư bản hay không, là tùy ở kết quả đấu tranh để tranh thủ tầng lớp trung gian, trước hết là nông dân. Nếu những tầng lớp trung gian ấy chí ít là không trung lập, nếu họ chưa tách rời giai cấp tư sản, nếu số lớn trong đó còn là quân đội của tư bản, thì giai cấp vô sản không thể giành được chính quyền về tay mình.

Phong trào cách mạng của giai cấp vô sản Pháp năm 1848 và năm 1871 sở dĩ thất bại, chính là vì

giai cấp công nhân không những không được nông dân ủng hộ mà còn bị nông dân chống lại. Cách mạng tháng Hai và Cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga sở dĩ thắng lợi, là vì giai cấp vô sản Nga tranh thủ được và lãnh đạo được đại đa số nông dân. Kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản Nga đã chứng minh bằng thực tiễn rằng : nông dân, đại đa số người bị bóc lột trong nông dân thật sự có thể chuyển từ đội quân hậu bị của giai cấp tư sản (như nông dân trong cách mạng tư sản Tây Âu) thành đội quân hậu bị của giai cấp vô sản, thành bạn đồng minh của giai cấp vô sản.

Theo gương giai cấp công nhân Nga, hiện nay giai cấp vô sản trong hết thảy các nước tư bản đều đang đấu tranh để tranh thủ nông dân lao động về phía mình. Mấy năm gần đây ảnh hưởng của Đảng cộng sản Pháp và Đảng cộng sản Ý đối với nông dân đã tăng lên rất nhiều. Khủng hoảng nông nghiệp phát triển, tư bản lũng đoạn bóc lột nông thôn tàn tệ, ngày càng chứng minh cho tiểu nông và trung nông thấy rằng chủ nghĩa tư bản chỉ đưa họ đến phá sản và chết chóc. Những người cộng sản ở Pháp, ở Ý và ở các nước tư bản khác giải thích cho nông dân hiểu rằng : một trong những nhiệm vụ mà giai cấp công nhân đề ra trong cách mạng là đưa lại ruộng đất cho nông dân ít ruộng và cố nông không có ruộng, và giải phóng cho họ thoát khỏi mọi ách áp bức. Cuộc đấu tranh bền bỉ của giai cấp công nhân giành hòa bình, dân chủ và độc lập dân tộc, chống bọn đế quốc phản

động cũng đang thu hút nông dân lao động và các tầng lớp nhân dân lao động khác về phía mình.

Trí thức là một tầng lớp xã hội, họ rất gần tầng lớp trung gian mà giai cấp vô sản cần thu hút về phía mình. Xưa nay trí thức không phải và cũng không thể là một giai cấp riêng biệt, nhưng họ cũng không thể đứng lên trên các giai cấp. Họ là tầng lớp những người lao động trí óc phục vụ cho giai cấp này hoặc giai cấp khác : trí thức của giai cấp tư sản, trí thức của giai cấp tiểu tư sản, trí thức của giai cấp vô sản.

Trong xã hội tư bản, phần nhiều trí thức phục vụ cho lợi ích của giai cấp bóc lột chiếm địa vị thống trị tức là giai cấp tư sản. Vì dưới chế độ tư bản, con cái của người lao động rất khó được học tập, cho nên số đông trong hàng ngũ trí thức chủ yếu là những người xuất thân từ những tầng lớp hữu sản : xuất thân từ giai cấp tư sản, quý tộc, quan lại, một số xuất thân từ nông dân khá giả; chỉ có một số rất ít là xuất thân từ công nhân.

Trí thức không thể có chính sách độc lập, hoạt động của họ là do họ phục vụ cho giai cấp nào mà quyết định. Chỉ có kết hợp với giai cấp công nhân, họ mới có thể trở thành một lực lượng.

Giai cấp vô sản, giai cấp bị bóc lột không có cơ hội được giáo dục văn hóa, không có điều kiện tốt để bồi dưỡng những người trí thức của giai cấp mình dưới chế độ tư bản chủ nghĩa ; chỉ có sau khi giành được chính quyền, họ mới có thể đào tạo ra nhiều trí thức của giai cấp mình. Nhưng việc bồi dưỡng cho những người trí thức vô sản

đã bắt đầu trong chế độ tư bản chủ nghĩa : trong tiến trình đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, từ trong giai cấp vô sản xuất hiện ra những cán bộ cách mạng chuyên nghiệp. Những người dũng cảm nhất, chính trực nhất trong số trí thức tư sản cũng ngả về phía giai cấp vô sản. Lê-nin đã vạch ra rằng : « Cũng như tất cả các giai cấp khác trong xã hội ngày nay, giai cấp vô sản không những đã đào tạo được tầng lớp trí thức của giai cấp mình, mà còn tranh thủ được những người ủng hộ mình trong số tất cả những người có học (1) ».

Trước kia, chỉ có một số rất ít những người dũng cảm nhất, cách mạng nhất trong trí thức là ngả về phía giai cấp công nhân. Trong thời đại ngày nay, khi chế độ tư bản đã đưa xã hội đến bước đường cùng, ném những người lao động vào vực thẳm chiến tranh, thất nghiệp và nghèo đói, và làm cho toàn bộ thành tích văn hóa đứng trước nguy cơ bị hủy hoại, khi sự suy nhược về tinh thần của giai cấp tư sản ngày càng rõ rệt, thì hàng ngàn vạn người tiên tiến, chính trực, có tư tưởng trong tầng lớp trí thức ngả về phía chủ nghĩa cộng sản. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân giành hòa bình, chống đế quốc gây chiến, chống bọn đế quốc phản động phát xít, đang thu hút ngày càng nhiều người trong số giới trí thức ở các nước tư bản ngả về phía chủ nghĩa xã hội.

---

(1) Lê nin : « Chủ nghĩa mạo hiểm trong cách mạng ».

4. — NHỮNG HÌNH THỨC CƠ BẢN CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN

Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản có ba hình thức : đấu tranh kinh tế, đấu tranh chính trị và đấu tranh tư tưởng.

Đấu tranh *kinh tế* của giai cấp vô sản có nhiệm vụ chủ yếu là bảo vệ lợi ích nghề nghiệp của công nhân tức là nâng cao tiền lương, rút ngắn giờ làm, cải thiện điều kiện lao động, v.v... Trong đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản, thủ đoạn quan trọng nhất là bãi công, bãi công từng bộ phận và tổng bãi công.

Đấu tranh kinh tế là hình thức đấu tranh giai cấp đầu tiên trong lịch sử của giai cấp vô sản. Ở tất cả các nước, đấu tranh của công nhân đều bắt đầu từ chỗ bảo vệ lợi ích kinh tế của bản thân. Trong cuộc đấu tranh ấy, cũng đẻ ra tổ chức đầu tiên của giai cấp vô sản là công đoàn, nó trở thành trường học đấu tranh giai cấp của công nhân.

Trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại, cuộc đấu tranh kinh tế vì nhu cầu hàng ngày của công nhân, để tăng lương và cải thiện điều kiện lao động, có ý nghĩa rất lớn đối với giai cấp công nhân. Nhưng cuộc đấu tranh ấy không thể làm cho giai cấp công nhân thoát khỏi nghèo khổ.

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, sự bần cùng hóa tương đối và bần cùng hóa tuyệt đối của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động

không thể nào tránh khỏi. Sự bần cùng hóa tương đối của giai cấp công nhân biểu hiện ở chỗ trong thu nhập quốc dân, phần thu nhập của công nhân giảm sút và ngược lại phần thu nhập của nhà tư bản tăng lên. Ngoài bần cùng hóa tương đối ra, giai cấp công nhân còn bần cùng hóa tuyệt đối. Chính như Lê-nin đã nói, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, « công nhân trở nên tuyệt đối *bần cùng*, nghĩa là trở nên thực sự nghèo hơn trước nhiều, buộc phải sống khổ sở hơn, ăn uống kham khổ hơn, lại thêm ăn không no, chen chúc ở dưới hầm nhà hoặc trên tầng gác cao nhất (1) ».

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, sự bần cùng hóa tương đối và bần cùng hóa tuyệt đối của giai cấp công nhân và của toàn thể những người lao động cũng nguy ngập hơn, đó là kết quả hoạt động của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn không thỏa mãn với lợi nhuận bình quân, nó đòi hỏi lợi nhuận tối đa.

Số đông người thất nghiệp đã trở thành hiện tượng thường xuyên trong thời đại tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, điều đó làm cho các tổ chức lũng đoạn có thể hạ thấp tiền lương của công nhân. Bọn tư bản dùng « chế độ máu và mồ hôi » để tăng thêm cường độ lao động của công nhân, « dựa theo mọi quy tắc khoa học để hút máu và mồ hôi ». Vì thế, tỷ suất bóc lột lao động tăng lên rất nhiều. Theo sự tính toán của các nhà

(1) Lê-nin : « Sự nghèo đói trong xã hội tư bản chủ nghĩa ».

kinh tế học, thì năm 1950, số thời gian mà công nhân Mỹ làm việc cho bản thân chỉ chiếm già 20% tổng số thời gian lao động và số thời gian lao động để nuôi sống những nhân viên làm thuê cho bọn tư bản chỉ chiếm độ 15%, còn 65% thời gian lao động là làm cho bọn tư bản (1). Sự thống trị của các tổ chức lũng đoạn, làm cho bọn tư bản có thể định giá hàng cao, cướp bóc người lao động không những về mặt họ là người sản xuất ra hàng hóa, mà cả về mặt họ là người mua hàng hóa nữa. Lạm phát giấy bạc và thuế khóa cũng là những thủ đoạn được bọn tư bản dùng để cướp bóc người lao động. Trong thời kỳ kinh tế lên cao hay kinh tế phồn thịnh, giai cấp vô sản buộc bọn tư bản phải nhượng bộ từng phần, nhưng thông thường khi tình hình thị trường thay đổi, thì lại bị bọn tư bản cướp lại những quyền lợi đã giành được, chúng dùng phương pháp tăng thuế khóa, lạm phát giấy bạc làm cho những sự nhượng bộ của chúng hóa thành như không.

Dưới chế độ tư bản, tất nhiên có sự bần cùng hóa tương đối và tuyệt đối của người lao động; nhưng quyết không thể từ đó rút ra kết luận : đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản là phí công vô ích. Với cuộc đấu tranh chống tư bản cướp đoạt, công nhân không những bảo vệ sự sống còn của mình mà còn thúc đẩy xã hội phát triển lên dần dần. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đòi giảm giờ làm, tăng tiền lương, ngăn cản không cho bọn

(1) Xem « Tình trạng của giai cấp công nhân Mỹ, Anh, Pháp sau chiến tranh thế giới lần thứ hai » của Smit.

tư bản dùng lối tăng việc sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối lên (tức là dùng phương pháp kéo dài thời gian lao động) để nâng cao lợi nhuận, buộc chúng phải tìm cách tăng việc sản xuất giá trị thặng dư tương đối, tức là nâng cao năng suất lao động và áp dụng kỹ thuật hiện đại hóa để rút ngắn thời gian lao động cần thiết. Như thế là giai cấp công nhân đã dùng đấu tranh của mình để buộc bọn tư bản phải đổi mới kỹ thuật. Đồng thời, đấu tranh kinh tế còn tổ chức giai cấp công nhân lại để giải quyết nhiệm vụ cách mạng lịch sử. Nếu không tiến hành đấu tranh chống ý định cướp bóc của tư bản thì như lời Mác nói, công nhân sẽ biến thành một đám người nghèo chịu khổ chịu sở, tất bị diệt vong, không đáng kể. « Nếu công nhân tỏ ra rụt rè nhượng bộ trong những cuộc xung đột hàng ngày với tư bản, thì nhất định họ sẽ mất hết năng lực phát động bất cứ một phong trào nào tương đối đại quy mô (1) ».

Trong khi đấu tranh kinh tế chống tư bản, giai cấp vô sản được tổ chức vào công đoàn, có sự lãnh đạo đúng đắn vững vàng về lập trường giai cấp, thì có thể đả lại việc chủ xí nghiệp tấn công vào mức sống của họ, làm cho điều kiện bán sức lao động cho nhà tư bản được cải thiện phần nào. **Nhưng muốn thoát khỏi bóc lột thì cần phải đấu tranh để tiêu diệt bản thân quan hệ kinh tế nó buộc công nhân phải bán sức lao động.**

---

(1) Mác và Ăng-ghen : « Tuyển tập ».

Đấu tranh kinh tế không phải là hình thức đấu tranh chủ yếu, có tính chất quyết định của giai cấp vô sản.

Kinh nghiệm lịch sử chứng minh rằng chỉ có tiêu diệt chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa, giai cấp vô sản mới có thể cải thiện tình trạng kinh tế của mình một cách căn bản. Giai cấp vô sản Anh đấu tranh trong hơn nửa thế kỷ nay để tăng tiền lương, cải thiện điều kiện lao động. Nhưng cuộc đấu tranh ấy đã làm cho tình trạng của giai cấp công nhân nước Anh được cải thiện về căn bản chưa? Chưa. Giai cấp công nhân Anh đi theo những người lãnh đạo công đoàn cải lương và chỉ hạn chế ở đấu tranh kinh tế, nên buộc phải sống cuộc đời trâu ngựa dưới xiềng xích bóc lột của chủ nghĩa tư bản.

Giai cấp vô sản Nga dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, ngoài đấu tranh kinh tế ra, còn tiến hành đấu tranh chính trị lật đổ nền thống trị của giai cấp tư sản, xây dựng nền thống trị chính trị của mình, hoàn toàn giải phóng về kinh tế cho giai cấp công nhân và toàn thể những người lao động. Người lao động trong nước xã hội chủ nghĩa đã thoát khỏi ách bóc lột tư bản chủ nghĩa, mỗi năm một không ngừng cải thiện đời sống vật chất và nâng cao trình độ văn hóa của mình lên.

Cho nên, chỉ dựa vào đấu tranh kinh tế thì không thể tiêu diệt được bóc lột tư bản chủ nghĩa: muốn tiêu diệt bóc lột tư bản chủ nghĩa thì cần phải tiến hành cuộc đấu tranh *chính trị* của giai cấp vô sản. Mục đích đấu tranh chính trị của giai

cấp vô sản là giành chính quyền và sau khi giành được chính quyền thì phải bảo vệ và củng cố chính quyền. Cuộc đấu tranh ấy biểu hiện lợi ích giai cấp căn bản của giai cấp vô sản. Vì thế, đấu tranh chính trị là hình thức đấu tranh giai cấp cao nhất.

Trong đấu tranh kinh tế, nếu cuộc đấu tranh ấy tách rời đấu tranh chính trị, thì công nhân sẽ nuôi ý thức chủ nghĩa công đoàn, tức là ý thức chỉ quan tâm đến lợi ích về nghề nghiệp của bản thân. Trong đấu tranh chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng mác-xít, công nhân được bồi dưỡng ý thức *giai cấp* chân chính của giai cấp vô sản, tức là ý thức quan tâm đến lợi ích chung và căn bản của giai cấp. Chính vì thế nên Lê-nin và những người cộng sản kiên quyết phản đối chủ trương của bọn cơ hội định bó hẹp hoạt động của chính đảng vô sản trong phạm vi quan hệ kinh tế giữa công nhân và chủ xí nghiệp. Lê-nin dạy chính đảng của giai cấp vô sản phải đi sâu vào mọi tầng lớp xã hội, phản đối sự chuyên quyền, áp bức, cường bạo và tội ác của bọn bóc lột trong mọi trường hợp, không những phải thức tỉnh ý thức chính trị của công nhân, mà còn phải thức tỉnh ý thức chính trị của hết thảy mọi người bị áp bức. Lê-nin nhấn mạnh rằng: đối với người hoạt động tích cực của chính đảng vô sản, thì nhân vật lý tưởng không phải là người bí thư công đoàn bảo vệ lợi ích nghề nghiệp của công nhân, mà phải là đại biểu của nhân dân biết nâng công nhân lên đến mức nhận thức được tác dụng có tính chất

lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là lãnh tụ của mọi người lao động và bị bóc lột.

Chỉ khi nào đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản bao gồm cả mặt chính trị và không quy đấu tranh chính trị lại thành hành động cải lương trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản, thì nó mới là cuộc đấu tranh chân chính, triệt để và rộng rãi. Trong khi vạch rõ sự khác nhau căn bản giữa khái niệm mác-xít về đấu tranh giai cấp và khái niệm tự do chủ nghĩa cố sức thu hẹp và ngăn trở đấu tranh giai cấp, làm cho đấu tranh giai cấp bị hạn chế trong phạm vi cải lương từng mặt riêng biệt, Lê-nin đã viết: « Chủ nghĩa Mác cho rằng *chỉ* khi nào đấu tranh giai cấp không những bao gồm cả mặt chính trị, mà về mặt chính trị còn nắm được điều bản chất nhất là tổ chức chính quyền, thì khi ấy, đấu tranh giai cấp mới là cuộc đấu tranh hoàn toàn mở rộng, là đấu tranh của « cả dân tộc » (1). Chỉ có những người nào đi từ chỗ thừa nhận đấu tranh giai cấp đến chỗ thừa nhận chuyên chính vô sản, mới có thể coi là người mác-xít.

Không tiến hành đấu tranh *tư tưởng*, thì không thể giành được nền chuyên chính vô sản. Trong xã hội tư bản, giai cấp thống trị ra sức cưỡng bức công nhân tiếp thu tư tưởng tư sản. Tư tưởng tư sản chiếm địa vị thống trị được truyền bá bằng trường học, nhà thờ, báo chí, nghệ thuật, v.v..., tư tưởng ấy dựa vào mọi điều kiện sinh hoạt của

---

(1) Lê-nin: « Bàn về khái niệm tự do chủ nghĩa và khái niệm mác-xít về đấu tranh giai cấp. »

công nhân trong xã hội tư bản để thâm nhập vào công nhân. Chính đảng của giai cấp vô sản cần phải đấu tranh để làm cho công nhân thoát khỏi quan niệm và thành kiến của giai cấp tư sản, đưa tư tưởng xã hội chủ nghĩa vào trong quần chúng vô sản

Chính đảng mác-xít truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa vào phong trào công nhân, làm cho giai cấp công nhân có ý thức về vai trò lịch sử của mình là người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản và người sáng tạo ra chủ nghĩa cộng sản, đó là điều kiện cần thiết để biến đấu tranh giai cấp *tự phát* thành đấu tranh *tự giác*. Đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa phát triển tất nhiên làm cho giai cấp công nhân tập trung, thúc đẩy giai cấp công nhân đoàn kết và tổ chức lại. Nhưng để có thể lật đổ được chủ nghĩa tư bản, giai cấp vô sản không những về khách quan phải thành một giai cấp, mà còn phải có *ý thức* về lợi ích giai cấp căn bản của mình. Theo lời Mác và Ăng-ghen thì giai cấp vô sản cần phải biến từ giai cấp « tự nó » thành giai cấp « vì mình ». Điều đó chỉ có dựa vào sự kết hợp lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân thì mới làm được.

Không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng. Lý luận xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa Mác là kim chỉ nam của phong trào công nhân. Nếu phong trào công nhân không dựa vào lý luận cách mạng, nếu phần lớn trong giai cấp vô sản còn chịu ảnh hưởng của ý thức tư tưởng tư sản và tiểu tư sản thì không thể thoát khỏi xiềng xích của tư bản được.

Thí dụ: nhược điểm chủ yếu của phong trào công nhân Mỹ là ở chỗ số đông công nhân Mỹ chưa thoát khỏi ảnh hưởng tư tưởng và chính trị của giai cấp tư sản. Chủ tịch Đảng cộng sản Mỹ là đồng chí Phốt-stơ vạch ra rằng: « Điều không may là công nhân Mỹ trong tư tưởng vẫn chưa hiểu rõ cuộc đấu tranh giai cấp mà bản thân mình làm. Công nhân không hiểu địa vị của giai cấp mình trong xã hội tư bản Mỹ, đó là một trong những điều có lợi nhất cho chủ xí nghiệp (1)».

Điều mà giai cấp bóc lột và tay chân của chúng trong phong trào công nhân — bọn cầm đầu đảng Xã hội cánh hữu — quan tâm đến là làm mờ ý thức giai cấp của giai cấp vô sản, dùng nọc độc tư tưởng của chúng để giết hại giai cấp vô sản, phá hoại lòng tin của giai cấp vô sản vào lực lượng của bản thân mình, vào khả năng thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước. Trong thời đại chúng ta, khi chủ nghĩa tư bản đã lỗi thời và bắt đầu tan rã, khi cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản ở những nước tư bản ngày càng lên cao và phong trào giải phóng ở thuộc địa ngày càng lớn mạnh, giai cấp tư sản phản động được sự giúp đỡ của bọn cầm đầu đảng Xã hội cánh hữu, của bọn lãnh tụ công đoàn cải lương phản động, hết sức đầu độc giai cấp công nhân một cách điên cuồng, làm cho họ hoài nghi và không tin tưởng vào lực lượng của mình; chúng nói xấu người cộng sản một cách điên cuồng, nói xấu các nước

(1) Phốt-stơ: « Những ngày cuối cùng của chủ nghĩa tư bản thế giới. »

trong phe xã hội chủ nghĩa và ca tụng chủ nghĩa tư bản. Trong những điều kiện như thế, cuộc đấu tranh của chính đảng cách mạng của giai cấp vô sản chống ý thức tư tưởng tư sản có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Chỉ có trên cơ sở ý thức tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, mới có thể khắc phục được tình trạng tư tưởng phân tán trong công nhân và đảm bảo cho *sự thống nhất của giai cấp công nhân*. Sự thống nhất cách mạng của giai cấp công nhân là điều kiện có tính chất quyết định làm cho giai cấp công nhân chiến thắng tất cả những kẻ bóc lột.

Lực lượng đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là ở chỗ khéo kết hợp mọi hình thức đấu tranh kinh tế, chính trị và tư tưởng.

5. — GIAI CẤP VÀ CHÍNH ĐẢNG

Đấu tranh giai cấp được biểu hiện đầy đủ nhất trong cuộc đấu tranh của các chính đảng. Các chính đảng đều đại biểu cho lợi ích của những giai cấp nhất định, và chỉ đạo cuộc đấu tranh của những giai cấp đó. Căn cứ vào thành phần chính đảng mà nói, thì chính đảng là một bộ phận của giai cấp, mà lại là bộ phận tích cực nhất về chính trị.

Nhưng, không phải tất cả các chính đảng đều công khai thừa nhận mình là người bênh vực lợi ích của một giai cấp nào đó. Chính đảng cách mạng của giai cấp vô sản không cần che giấu, mà

công khai tỏ rõ là kẻ bênh vực cho lợi ích của giai cấp nào, còn các chính đảng phản động phục vụ cho giai cấp bóc lột thì hết sức ngụy trang, che giấu bộ mặt giai cấp của nó. Thường thường kẻ thù của chủ nghĩa xã hội khoác áo chủ nghĩa xã hội, những tay sai mà bọn tư bản mua chuộc tự xưng là người bênh vực chí công vô tư cho lao động, những chính đảng bán rẻ lợi ích dân tộc tự mệnh danh là đảng của dân tộc.

Lê-nin dạy nhân dân lao động không nên mắc lừa vì những lời bảo đảm giả dối ngoài miệng ấy, dạy người lao động phải vạch rõ bộ mặt giai cấp thật sự của các đảng tư sản và tiểu tư sản ; không phải xét các đảng ấy bằng chiêu bài, ngôn luận, khẩu hiệu và nghị quyết, mà phải xét bằng hành động của họ.

Lê-nin viết : « Khi người ta chưa biết vạch rõ *lợi ích* của giai cấp này hay giai cấp khác trong bất cứ một câu nói, một lời tuyên bố và hứa hẹn nào về đạo đức, tôn giáo, chính trị và xã hội, thì trước sau người ta vẫn là vật hy sinh ngu xuẩn bị người lừa dối và tự mình dối mình (1) ».

Các phái chính trị đủ mầu đủ vẻ trong xã hội tư bản bị giai cấp tư sản lợi dụng để bịt mắt người lao động, che lấp sự đối kháng giai cấp giữa người bóc lột và người bị bóc lột. Cuộc đấu tranh bề ngoài giữa các chính đảng tư sản cũng nhằm cùng một mục đích ấy, thí dụ : ở Mỹ, cuộc đấu tranh giữa người đảng Dân chủ và người đảng Cộng hòa

---

(1) Lê-nin : «Tuyển tập », quyển 1.

là như thế. Hai đảng ấy đều phục vụ cho lợi ích của tư bản lũng đoạn Mỹ, chúng không khác nhau bao nhiêu; chúng đều đấu tranh vì vấn đề địa vị, phần nhiều là vì vấn đề phân phối những ghế béo bở trong bộ máy Nhà nước. Hai chính đảng tư sản ấy lợi dụng những cuộc tranh luận, ngoài miệng thì ầm ĩ, nhưng nội dung thì trống rỗng, để lừa gạt nhân dân lao động, làm cho họ rời bỏ cuộc đấu tranh giai cấp cần thiết vì lợi ích thiết thân.

Giai cấp bóc lột không những chỉ dựa vào bạo lực để thực hiện nền thống trị của chúng. Chúng còn ra sức lừa gạt nhân dân lao động. Ngoài những đảng phát xít phản động trắng trợn dùng phương pháp khủng bố để đàn áp nhân dân lao động ra, trong các nước tư bản còn có những đảng tự do chủ nghĩa, chúng dùng những lời hứa hẹn cải lương, nhượng bộ đôi chút để dụ dỗ người lao động vứt bỏ đấu tranh cách mạng. Trong điều kiện ngày nay, bọn cầm đầu đảng Xã hội cánh hữu đóng vai trò bịp bợm lừa gạt giai cấp công nhân. Vì lợi ích của tư bản, bọn chó săn ấy của đế quốc lợi dụng trình độ lạc hậu của công nhân để đưa tư tưởng tư sản vào, chia rẽ giai cấp công nhân, dụ dỗ họ vứt bỏ đấu tranh cách mạng. Đảng Xã hội cánh hữu cơ hội là chỗ dựa xã hội chủ yếu của đế quốc trong phong trào công nhân.

Những món lợi nhuận kếch xù mà giai cấp tư sản đế quốc kiếm được bằng cách cướp bóc các nước thuộc địa và các nước phụ thuộc về kinh tế, bằng cách quy định giá hàng lũng đoạn cao..., những món lợi nhuận đó được chúng dùng để mua chuộc

và làm hủ hóa những phần tử lớp trên của giai cấp vô sản, tạo thành lớp công nhân quý tộc, bọn công nhân quý tộc này trở thành đám đất tốt cho chủ nghĩa cơ hội phát triển trong phong trào công nhân. Lê-nin viết : « Tầng lớp công nhân đã tư sản hóa hoặc tầng lớp « công nhân quý tộc » ấy, cứ theo lối sống, số tiền lương và toàn bộ thế giới quan của họ mà nói, thì đã hoàn toàn biến thành tên lái buôn gian giảo, họ là chỗ dựa chủ yếu của Đệ nhị quốc tế, mà ngày nay là chỗ dựa *xã hội* (không phải quân sự) chủ yếu *của giai cấp tư sản*. Vì đó là những con *chó săn* thật sự *của giai cấp tư sản trong phong trào công nhân*, là những tên tay sai cho giai cấp của bọn tư bản nằm trong công nhân... (1) ».

Kể từ giữa thế kỷ XIX, đặc biệt là giai cấp tư sản Anh đã mua chuộc tầng lớp trên trong giai cấp công nhân, chúng đã lợi dụng địa vị lũng đoạn của chúng trên thị trường thế giới lúc bấy giờ và thuộc địa to lớn của chúng để đạt tới mục đích ấy. Ngày nay, bọn tư bản Mỹ dựa vào lợi nhuận tối đa mà chúng cướp được của giai cấp vô sản trong nước và của nhân dân các nước khác, đã phá sản vì chiến tranh thế giới thứ hai, để áp dụng rộng rãi biện pháp mua chuộc những phần tử lớp trên trong giai cấp công nhân.

Bọn cơ hội chủ nghĩa bị giai cấp tư sản mua chuộc bằng cách thí cho những ơn huệ nhỏ, là những người công khai bênh vực chủ nghĩa tư bản.

---

(1) Lê-nin : « Tuyển tập », quyển 1.

Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, các đảng Xã hội dân chủ giúp cho giai cấp tư sản nước mình vũ trang can thiệp chống lại nước xô viết, cứu cho chủ nghĩa tư bản thoát khỏi cách mạng vô sản, tổ chức giết chóc công nhân, mở đường cho chủ nghĩa phát xít. Hiện nay hầu hết những kẻ cầm đầu đảng Xã hội cánh hữu đang ủng hộ dã tâm mạo hiểm của đế quốc Mỹ muốn chiếm quyền bá chủ thế giới, giúp cho đế quốc Mỹ chuẩn bị chiến tranh xâm lược chống Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân. Với chính sách phản bội của chúng, bọn cầm đầu đảng Xã hội cánh hữu đã vượt hẳn những tiền bối của chúng trong Đệ nhị quốc tế như Sây-đơ-man, Cao-sky, Hin-phéc-đin, Mác-đô-nan và Rây-nô. Đảng Xã hội dân chủ cánh hữu ngày nay, ngoài việc đóng vai trò cũ kỹ làm đầy tớ cho giai cấp tư sản trong nước ra, còn biến thành tay sai của đế quốc nước ngoài — đế quốc Mỹ, chấp hành nhiệm vụ bẩn thỉu nhất của đế quốc Mỹ giao cho là chuẩn bị chiến tranh và chống lại nhân dân trong nước.

Bọn thủ lĩnh đảng Xã hội cánh hữu kết hợp việc ủng hộ chính sách ngoại giao của đế quốc Mỹ với việc tuyên truyền *hợp tác giai cấp* trong nước. Những tên thủ lĩnh ấy hoàn toàn vứt bỏ chủ nghĩa Mác, tuyên bố chủ nghĩa xã hội là « sự nghiệp chung » của mọi giai cấp. Tên phản bội giai cấp công nhân Lê-ông Bờ-lom hòng làm cho công nhân nước Pháp tin rằng : hình như chủ nghĩa xã hội không phải thực hiện do đấu tranh giai cấp mà do người ta « tự trau dồi về đạo đức ». Lê-ông

Bờ-lom cho ý thức giai cấp và đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là « trở ngại chủ yếu » trên con đường đi tới chủ nghĩa xã hội ! Bọn thủ lĩnh Công đảng Anh phục vụ cho tư bản, cũng thi hành chính sách « hợp tác giai cấp ». Tổng bí thư Công đảng Anh là Moóc-găng Phi-líp nói rằng : « Những người xã hội chủ nghĩa nước Anh hoàn toàn cự tuyệt chủ nghĩa Mác và mọi học thuyết đấu tranh giai cấp với bất cứ hình thức và biểu hiện nào. Họ chỉ đặt chính sách đối nội và đối ngoại của mình trên nguyên tắc của chế độ dân chủ và của đạo cơ đốc, những nguyên tắc ấy, ngay trước khi Mác ra đời rất lâu, đã được các nhà cải cách tôn giáo vĩ đại của chúng ta để lại cho chúng ta rồi ».

Tuy Moóc-găng Phi-líp và những người Xã hội cánh hữu cùng một loại như Moóc-găng Phi-líp cự tuyệt lý luận đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác khoa học, nhưng về thực tế thì chúng vẫn không lìa bỏ việc tham gia đấu tranh giai cấp. Chẳng qua chúng đứng về phía giai cấp tư sản để tiến hành đấu tranh giai cấp, chống lại giai cấp vô sản, và dùng những chữ « nguyên tắc của chế độ dân chủ và của đạo cơ đốc » để che đậy sự phản bội của chúng mà thôi. Nhìn vào những sự thật sau đây xảy ra ở nhiều nước tư bản thì có thể thấy tác dụng thực sự của bọn thủ lĩnh đảng Xã hội cánh hữu : cảnh sát, hiến binh và quân đội theo mệnh lệnh của các bộ trưởng « người đảng Xã hội », đàn áp và giết chóc công nhân bãi công. Những phần tử lớp trên của đảng Xã hội cánh hữu được giai cấp

tư sản đế quốc dùng để chống lại giai cấp công nhân. Những kẻ lãnh đạo Hội liên hợp lao công Mỹ và Hội liên hợp công hội công nghiệp Mỹ cũng có một vai trò phản động không kém, trong phong trào công nhân, chúng bảo công nhân tin tưởng rằng : lợi ích của người vô sản nhất trí với lợi ích của chủ xí nghiệp. Hoạt động của chủ tịch Hội liên hợp lao công Mỹ trước kia là Gơ-rin đã có lợi cho nhà tư bản đến nỗi bọn tư bản thưởng cho hắn huy chương bằng vàng khắc câu « Tranh thủ hợp tác có hiệu quả với nhà công nghiệp ».

Ngày nay lý luận « giai cấp hòa hợp » cũ rích của chủ nghĩa cải lương lại được những luận điệu giả dối sau đây hưởng ứng : « giai cấp mất đi », ranh giới giai cấp tiêu tan đi trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản. Bọn thủ lĩnh đảng Xã hội cánh hữu đi theo gót bọn xã hội học và kinh tế học tư sản mà nói liều rằng : việc truyền bá xí nghiệp cổ phần là « dân chủ hóa tư bản ». Nhưng chúng lại che giấu sự thực này : trong thực tế thì chủ nhân chỉ là một số ít kẻ có cổ phần lớn nhất, chúng dùng lối phát hành cổ phiếu nhỏ để cướp đoạt thêm dân chúng.

Nếu nói bọn cải lương trước kia đã từng cố sức dụ dỗ giai cấp vô sản vứt bỏ cuộc đấu tranh giành chính quyền, rút hẹp và hạn chế cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, bó hẹp nó vào phạm vi đấu tranh cải thiện đôi chút điều kiện lao động, thì ngày nay bọn xã hội cánh hữu phản bội và bọn lãnh đạo phản động của công đoàn thậm chí còn vứt bỏ hết cả những cuộc đấu tranh

như thế. Dưới chiêu bài « hợp tác giai cấp », chúng phá hoại bãi công, tổ chức những hoạt động phản bội công nhân, chia rẽ công đoàn, để làm suy yếu lực lượng của giai cấp công nhân (1).

Tuy đảng Xã hội cánh hữu cũng có công nhân tham gia, nhưng không phải là đảng của giai cấp vô sản. Đó là chính đảng tư sản trong hàng ngũ giai cấp công nhân. Chúng làm cho những tầng lớp lạc hậu trong công nhân chịu khuất phục dưới ảnh hưởng của chúng, đồng thời chia rẽ giai cấp công nhân, làm cho giai cấp công nhân trở nên yếu ớt, bất lực không thể lật đổ được chế độ tư bản. Vì thế, trong nội bộ những chính đảng ấy, những người công nhân bình thường, vì địa vị giai cấp mà ngả về phía đấu tranh cách mạng, tất nhiên sẽ đấu tranh với bọn cầm đầu đảng Xã hội cánh hữu là những kẻ bênh vực cho chủ nghĩa tư bản.

---

(1) Bản hợp đồng mà tên Oan-te Rây-tơ, chủ tịch công đoàn công nhân công nghiệp xe hơi, ký với công ty « Xe hơi thông dụng » năm 1950, đã chứng minh những hành vi phản bội của bọn phản động lãnh đạo công đoàn đã đạt đến mức nào Căn cứ vào hợp đồng đó thì những người lãnh đạo công đoàn, sau khi đã được đôi chút ơn huệ của công ty xe hơi, có nghĩa vụ phải đảm bảo trong 5 năm không được bãi công trong xưởng chúng, và không được nêu ra yêu cầu tăng lương. Sau khi ký hợp đồng, công ty « Xe hơi thông dụng » nâng cao cường độ lao động của công nhân lên từ 25 đến 50%. nhờ vậy chúng đuổi được nhiều công nhân. Hợp đồng ấy có lợi cho nhà tư bản đến nỗi công ty Pho và công ty Cô-rây-sle cũng muốn tham gia hợp đồng Oan-te Rây-tơ hiện nay là chủ tịch Hội liên hiệp công đoàn công nghiệp.

Đảng cộng sản là chính đảng vô sản chân chính đại biểu cho lợi ích chân chính của giai cấp công nhân, Đảng được xây dựng trên cơ sở tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đảng cộng sản một mực kiên quyết bảo vệ lợi ích của giai cấp vô sản và của toàn thể người lao động, Đảng cộng sản liên hợp và phát động họ đấu tranh chống mọi áp bức, giành chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy chúng ta : Đảng là *hình thức* tổ chức giai cấp *cao nhất* của giai cấp vô sản. Vì đấu tranh chính trị là hình thức đấu tranh giai cấp chủ yếu của giai cấp vô sản, cho nên chính đảng của giai cấp vô sản là hình thức tổ chức giai cấp cao nhất của giai cấp vô sản. Tất cả những tổ chức khác của giai cấp vô sản (công đoàn, hợp tác xã, hội liên hợp văn hóa giáo dục v.v...) là những cứ điểm quan trọng trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, nhưng chỉ có Đảng mới có thể thống nhất được hoạt động của mọi tổ chức của giai cấp vô sản, mới có thể chỉ đạo được những hoạt động ấy làm cho nó ăn nhịp với nhau để cuối cùng hoàn toàn thoát khỏi mọi áp bức. Không có một chính đảng cách mạng mác-xít có kinh nghiệm và linh hoạt, thì giai cấp vô sản không thể thắng được kẻ thù giai cấp của mình, không thể lật đổ được chính quyền của chúng và xây dựng nền thống trị của mình, và sau khi cách mạng thắng lợi, không thể nắm vững và củng cố chính quyền đã giành được để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chính đảng của giai cấp vô sản, nếu muốn thực hiện được vai trò lãnh tụ, vai trò người lãnh

đạo trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, thì phải : 1) là bộ đội mác-xít *tiên phong, giác ngộ* của giai cấp vô sản, vũ trang bằng sự hiểu biết quy luật phát triển của xã hội và quy luật đấu tranh giai cấp ; 2) là bộ đội *có tổ chức* của giai cấp vô sản, bộ đội ấy đoàn kết bằng cương lĩnh, chiến lược và sách lược thống nhất, bằng hành động và kỷ luật thống nhất ; 3) giữ vững *sự thống nhất của Đảng*, coi đó là điều kiện chủ yếu của sức sống và sức mạnh của Đảng ; 4) củng cố *kỷ luật* sắt trong hàng ngũ mình ; 5) *đấu tranh không điều hòa với chủ nghĩa cơ hội* và thanh trừ hết phần tử cơ hội trong hàng ngũ mình, phải nhớ kỹ rằng nếu trong bộ chỉ huy của giai cấp công nhân mà có tay chân của đế quốc, thì không thể chiến thắng chủ nghĩa đế quốc một cách dễ dàng ; 6) *dùng phê bình và tự phê bình* để mạnh dạn vạch trần và sửa chữa những khuyết điểm và sai lầm của mình ; 7) củng cố *mối liên hệ với quần chúng*, vì liên hệ với quần chúng là nguồn sức mạnh của Đảng ; 8) trong tất cả mọi vòng khâu của Đảng, từ dưới lên trên đều phải triệt để thực hiện nguyên tắc lãnh đạo tập thể của Lê-nin.

Trong tình hình khó khăn nhất ở nước Nga thời Nga hoàng, Lê-nin và những người bạn chiến đấu của Người đã đánh lui bao nhiêu lần đả kích của chế độ Nga hoàng, đã đấu tranh chống giai cấp tư sản và tay chân của chúng trong phong trào công nhân như « phái kinh tế », bọn men-sê-vích, bọn tờ-rốt-skít, bọn vô chính phủ, bọn xã hội cách mạng, bọn dân tộc chủ nghĩa, v. v...

để dần dần xây dựng lên Đảng cộng sản. Những tác phẩm có ý nghĩa lịch sử của Lê-nin như: « Làm gì? », « Một bước tiến, hai bước lùi », « Hai sách lược của Đảng Xã hội dân chủ trong cách mạng dân chủ », « Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán » đã có tác dụng hết sức quan trọng trong việc xây dựng Đảng cộng sản Liên-xô, những tác phẩm ấy đã đặt cơ sở tư tưởng, cơ sở tổ chức, cơ sở sách lược và cơ sở lý luận cho chính đảng kiểu mới. Sta-lin đã nói trước linh cữu Lê-nin: « Đồng chí Lê-nin đã rèn luyện Đảng ta trong 25 năm, và đã rèn luyện Đảng ta thành một Đảng công nhân vững chắc nhất, được rèn luyện cứng rắn nhất trên thế giới ».

Các Đảng cộng sản anh em ở các nước khác đều tổ chức theo gương Đảng cộng sản Liên-xô — chính đảng vô sản kiểu mới. Sau khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại đã tiêu diệt ách áp bức của tư bản và địa chủ, đại biểu các Đảng anh em đã tỏ lòng kính phục sự dũng cảm và thành công của Đảng cộng sản Liên-xô, tặng cho Đảng cộng sản Liên-xô danh hiệu « Đội xung kích » của phong trào công nhân cách mạng thế giới. Những lời chúc mừng của đại biểu các Đảng cộng sản các nước ở Đại hội lần thứ 19 của Đảng cộng sản Liên-xô năm 1952 đã nêu rõ ý nghĩa lớn lao của kinh nghiệm của Đảng cộng sản Liên-xô đối với phong trào cách mạng thế giới. Trong lời chúc mừng của Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc gửi cho Đại hội lần thứ 19, có nói: « Đảng cộng sản Liên-xô là gương mẫu của Đảng cộng

sản và Đảng công nhân các nước trên thế giới ». Đồng chí Tô-rê, Tổng bí thư Đảng cộng sản Pháp chức mừng Đại hội lần thứ 19, đã nhân danh giai cấp công nhân Pháp tỏ lòng biết ơn sâu sắc Đảng cộng sản Liên-xô vì Đảng đã cống hiến rất nhiều trong việc phát triển và làm phong phú lý luận cách mạng. Đồng chí Đô-lô-rét I-ba-ru-ri, Tổng bí thư Đảng cộng sản Tây-ban-nha nói : Đảng cộng sản Liên-xô đã giúp cho tất cả các Đảng cộng sản các nước hình thành về mặt tư tưởng và về mặt chính trị.

Không có chính đảng nào trước kia cũng như ngày nay lại bị bọn phản động trong các nước tư bản hãm hại tàn khốc như Đảng cộng sản. Trong thời gian phát xít chiếm đóng, mấy vạn đảng viên Đảng cộng sản Pháp đã hy sinh tính mạng cho công cuộc giải phóng Tổ quốc, làm cho Đảng cộng sản Pháp xứng đáng với danh hiệu vinh quang là « Đảng của những người bị bắn ». Người cộng sản mặc dù bị hãm hại như thế nào, nhưng ảnh hưởng của họ trong tất cả mọi nước tư bản vẫn ngày càng tăng thêm, v.v... Trước chiến tranh thế giới thứ hai, số đảng viên cộng sản trên toàn thế giới không quá 5 triệu người, thế mà đến năm 1952, số đảng viên cộng sản đã vượt quá 25 triệu. Trong các Đảng cộng sản nước ngoài, có những Đảng có tính chất quần chúng như Đảng cộng sản Ý, trước chiến tranh thế giới thứ hai có 5 vạn 8 nghìn đảng viên, mà đến năm 1953 lên tới trên 2 triệu, lại như Đảng cộng sản Pháp, số đảng viên từ 34 vạn tăng đến 506.000 người, v.v... Đảng cộng

sản Ý và Đảng cộng sản Pháp, vì đấu tranh anh dũng cho lợi ích của nhân dân lao động, nên đã tranh thủ được đại đa số công nhân trong nước. Ảnh hưởng của những người cộng sản tăng lên, đó là hiện tượng hoàn toàn hợp với quy luật. Sở dĩ Đảng cộng sản ngày càng có nhiều uy tín trong quần chúng, chính vì họ dũng cảm hy sinh, quên mình để bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động. Trong những năm chủ nghĩa phát xít thống trị châu Âu, đảng viên cộng sản là những chiến sĩ tin cẩn nhất, dũng cảm nhất, vô tư nhất, chiến đấu chống ách áp bức của phát xít, giành tự do và độc lập dân tộc cho nhân dân các nước. Ngày nay, đảng viên cộng sản vẫn là những chiến sĩ cương nghị quả cảm như thế, họ bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, bảo vệ độc lập và tự do của nhân dân trong nước, chống dã tâm mới của những bọn muốn làm bá chủ thế giới — chống đế quốc Mỹ.

Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Hy-lạp là Ni-cốt Bơ-lô-i-an-nit bị xử bắn năm 1952 theo lệnh của đế quốc Mỹ ; Ni-cốt đã tuyên bố lần cuối cùng trước tòa án : « Đảng cộng sản Hy-lạp quyết không cần một người nào chứng minh tinh thần yêu nước của mình. Đảng đã được nhân dân chứng minh điều đó, và đã dùng máu của mình để chứng minh điều đó . . . Gốc rễ Đảng cộng sản Hy-lạp được tưới bằng máu của những người yêu nước, đã ăn sâu trong trái tim của nhân dân, và bất cứ tòa án quân sự nào, bất cứ án tử hình nào cũng không thể tiêu diệt được Đảng cộng sản Hy-lạp ».

Đảng cộng sản bảo vệ lợi ích của nhân dân. Nguồn lực lượng và sức sống vô cùng tận của Đảng cộng sản là ở trong mối liên hệ ruột thịt với nhân dân.

6. — TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN TẠI, ĐẤU TRANH GIAI CẤP Ở CÁC NƯỚC TƯ BẢN THÊM GAY GẮT

Trong thời kỳ sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, mâu thuẫn giai cấp trở nên gay gắt nghiêm trọng, cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản thêm mạnh mẽ trong tất cả các nước đế quốc quan trọng nhất. Cuộc đấu tranh ấy lại một lần nữa chứng thực quy luật mà chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã tìm ra, tức là quy luật nói rằng đấu tranh giai cấp trong xã hội tư bản nhất định trở nên gay gắt, cách mạng xã hội chủ nghĩa tất nhiên sẽ nổ ra. Tư tưởng tư sản chủ trương hết thảy mọi giai cấp « điều hòa » và « hợp tác », là tư tưởng hoàn toàn không có căn cứ, điều đó ngày càng rõ rệt.

Tất cả những sự biến đổi về sắp xếp lực lượng các giai cấp trên vũ đài quốc tế và trong nội bộ các nước tư bản, không khỏi làm cho đấu tranh giai cấp trong xã hội tư bản trở nên gay gắt.

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, bọn Hít-le bị đánh tan và Liên-xô thắng lợi, việc đó làm

cho tương quan lực lượng giữa hai hệ thống — hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa — thay đổi có lợi cho chủ nghĩa xã hội. Tập đoàn đế quốc Mỹ, Anh những mong dùng chiến tranh để làm suy yếu Liên-xô và củng cố hệ thống tư bản chủ nghĩa, mưu toan đó đã hoàn toàn thất bại. Liên-xô càng thêm lớn mạnh, một loạt các nước châu Âu và châu Á thoát khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa, chế độ dân chủ nhân dân ra đời ở những nước ấy. Thắng lợi lịch sử vĩ đại của cách mạng dân chủ nhân dân Trung-quốc đã giáng một đòn rất mạnh vào hệ thống chủ nghĩa đế quốc. Tất cả các nước dân chủ nhân dân cùng với Liên-xô hình thành phe xã hội chủ nghĩa thống nhất và lớn mạnh, đối lập với phe tư bản.

Kết quả kinh tế quan trọng nhất của sự tồn tại của hai phe đối lập là thị trường thế giới thống nhất bao trùm tất cả tan rã thành hai thị trường thế giới song song : thị trường của các nước trong phe dân chủ xã hội chủ nghĩa và thị trường của các nước trong phe đế quốc. Thị trường thế giới tư bản rút hẹp lại, đã làm cho hiện tượng xí nghiệp thường xuyên hoạt động sút kém và hiện tượng thất nghiệp thường xuyên ở các nước tư bản tăng thêm, làm cho tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản và tất cả những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản thêm sâu sắc. Các nhà tư bản hòng tìm con đường thoát bằng cách tăng cường bóc lột nhân dân lao động, chuẩn bị chiến tranh thế giới mới và bắt kinh tế phục tùng mục đích chiến tranh. Nhưng quân sự hóa kinh tế và tăng cường chạy

đua vũ trang không thể giải quyết được mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, mà trái lại làm cho mâu thuẫn càng thêm trầm trọng và sâu sắc. Vì kinh tế đi theo con đường chiến tranh sẽ làm tăng thêm khó khăn về kinh tế, làm cho đời sống vật chất của nhân dân lao động thêm khốn quẫn. Chi tiêu về quân sự của Mỹ đã chiếm gần 3/4 ngân sách toàn quốc, chi tiêu về quân sự của Anh chiếm gần 42% ngân sách toàn quốc, chi tiêu về quân sự của Pháp chiếm đến 33% ngân sách toàn quốc. Những khoản chi tiêu quân sự ấy đều được bù đắp bằng biện pháp tăng thuế và lạm phát giấy bạc để bóc lột nhân dân lao động. Ở Mỹ, năm 1952, thuế trực thu so với năm 1937 — 1938 tăng gấp quá 12 lần, không tính số phải nộp thêm vì tiền sụt giá. Hơn nữa toàn bộ gánh nặng thuế khóa ấy đều trút lên vai người lao động. Đầu năm 1952, công nhân Mỹ lĩnh được 1 đồng tiền công thì phải nộp 3 hào 2 thuế.

Kinh tế đi theo con đường chiến tranh, thì ngành công nghiệp sản xuất những vật phẩm dân dụng cũng giảm sút, điều đó làm cho hiện tượng thất nghiệp vốn xẩy ra thường xuyên càng thêm trầm trọng. Chỉ riêng ở Mỹ, Nhật, Anh, Ý và Tây Đức, năm 1953 đã có 32 triệu người thất nghiệp hoàn toàn và thất nghiệp một nửa.

Lạm phát giấy bạc do chạy đua vũ trang gây ra, giá hàng đắt đỏ, thuế khóa tăng lên, làm cho tiền công thực tế luôn luôn giảm xuống, làm cho người lao động bị cướp đoạt mà giai cấp tư sản thì giàu to. Theo tài liệu thống kê của công đoàn

công nhân ngành điện ở Mỹ, giá sinh hoạt năm 1952 đắt gấp 3 so với năm 1939. « Sinh hoạt kiểu Mỹ » mà các báo chí tư sản hết lời khoe khoang đã làm cho 2/3 gia đình Mỹ không có đủ tiền để sống với mức thấp nhất. Tình trạng giai cấp công nhân ở các nước tư bản phụ thuộc vào nước Mỹ lại càng khổ cực hơn, đế quốc Mỹ cố sức trút gánh nặng chuẩn bị chiến tranh mới lên đầu các nước này.

Tất cả những việc đó làm cho đấu tranh giai cấp thêm gay gắt. Phong trào bãi công ở tất cả các nước tư bản đều lên cao. Trong 16 nước tư bản, kể cả Mỹ, Anh, Pháp, Nhật, Ý, từ năm 1946 đến 1950, có 50 triệu người tham gia bãi công, tức là tăng hơn gấp ba lần so với khoảng từ năm 1935 đến năm 1939. Trong vòng 5 năm trước chiến tranh thế giới thứ hai, số công nhân Mỹ tham gia bãi công có 5 triệu 60 vạn, mà trong 5 năm sau chiến tranh thì có trên 14 triệu. Mấy năm sau đây, số người tham gia bãi công vẫn tiếp tục tăng nữa. Theo tài liệu thống kê của bộ Lao động Mỹ, năm 1950 số công nhân bãi công trong toàn quốc là 2 triệu 40 vạn người, năm 1951 là 2 triệu 20 vạn, năm 1952 là 3 triệu 50 vạn người.

Ở các nước bị đế quốc Mỹ nô dịch, hình thức đấu tranh bãi công rất gay gắt; ở các nước ấy, mức sống của nhân dân lao động hết sức thấp. Ở Pháp, khi công nhân mỏ bãi công (tháng 9 đến tháng 10-1948), đã nổ ra những cuộc chiến đấu thực sự, lúc ấy cảnh sát và quân đội dùng vũ lực chiếm hầm mỏ và khu vực công nhân, dùng lựu đạn chảy

nước mắt, xe tăng và đại bác để đối phó với công nhân bãi công. Năm 1950, ở Pháp có đến trên 1 triệu 50 vạn người bãi công. Tháng 8 năm 1953, ở Pháp, phong trào bãi công to lớn lôi cuốn 4 triệu người tham gia.

Đế quốc Mỹ chèn ép nhiều ngành công nghiệp dân tộc của các nước tư bản khác, đưa những công nghiệp ấy đến chỗ chết. Việc đó đã mang lại những hình thức mới trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Ở Ý, công nhân kiên quyết phản đối âm mưu của các nhà tư bản hòng đóng cửa xí nghiệp. Năm 1950, công nhân Ý cự tuyệt không chịu rời những công xưởng và nhà máy đã đóng cửa, làm việc 80, 90 ngày không có chủ xí nghiệp; công nhân nhà máy « Rơ-dô » vùng E-mi-li-a, sau khi phòng quản lý ra lệnh tạm thời đóng cửa xưởng, (để sau này chuyển công xưởng vào sản xuất quân sự), đã chiếm các buồng máy, tiếp tục làm việc và sản xuất hòa bình hơn một năm, mãi đến tháng 10-1951. Phòng quản lý khi thì dùng vũ lực, khi thì dùng đủ thứ âm mưu quỷ kế hòng đuổi công nhân ra khỏi buồng máy. Nhưng mỗi lần như thế đều có nhân dân lao động cả thành phố và cả khu nổi dậy bênh vực công nhân nhà máy « Rơ-dô ».

Trong tình hình ngày nay, đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản lại càng đặc biệt gắn liền với đấu tranh chính trị. Việc bảo vệ quyền lợi kinh tế của người lao động là do kết quả cuộc đấu tranh của họ chống chiến tranh thế giới mới, chống chạy đua vũ trang quyết định. Công nhân bãi công đấu

tranh không những để nâng cao tiền công, cải thiện điều kiện lao động, mà còn để phản đối bọn đế quốc chuẩn bị chiến tranh mới. Phong trào bãi công lên cao chứng tỏ hậu phương của đế quốc gây chiến lung lay.

Việc chuẩn bị chiến tranh đế quốc mới đi đôi với việc phát xít hóa các nhà nước tư sản. Sự thật dưới đây chứng minh đầy đủ điểm ấy: sửa đổi hiến pháp và chế độ bầu cử để hạn chế quyền của người lao động, bí mật hãm hại và công khai khủng bố những nhân sĩ tiến bộ, nhất là những đảng viên cộng sản, ban bố những đạo luật chống lại thợ thuyền, chống lại công đoàn v.v... Năm 1947, quốc hội Mỹ thông qua đạo luật phát xít Táp-tơ Hác-lây hạn chế quyền bãi công của công nhân, cho nhà đương cục có quyền cấm bãi công, rút hẹp hoạt động của công đoàn, dung túng cho chủ xí nghiệp tụ tập tay sai phá hoại phong trào công nhân. Đạo luật Mác-ca-ren thông qua năm 1950 lại mang nhiều tính chất phát xít công khai hơn nữa; đạo luật đó cho phép nhà đương cục trong «trường hợp bất thường» có thể bắt những phần tử tiến bộ, đưa họ vào trại tập trung mà không cần phải đi qua tòa án.

Việc phát xít hóa chế độ Nhà nước trong các nước tư bản, việc thủ tiêu quyền dân chủ tối thiểu làm cho quần chúng lao động do giai cấp công nhân cầm đầu, phản kháng. Thường thường, những cuộc bãi công được tổ chức để kháng nghị những phương sách phản động của các chính phủ tư sản, kháng

nghị hành vi tàn bạo của cảnh sát, biểu dương tinh thần đoàn kết nhất trí của công nhân, v.v...

Đế quốc Mỹ hết sức mong muốn chiếm quyền bá chủ thế giới, không những đóng vai trò kẻ xâm lược, mà còn đóng vai trò tên hiến binh thế giới. Chúng hòng bóp chết tự do và vun trồng chủ nghĩa phát xít ở tất cả các nước. Theo gương đế quốc Mỹ và dưới áp lực của đế quốc Mỹ, nhiều nước tư bản khác cũng đã thủ tiêu tự do dân chủ tư sản. Sta-lin nói chuyện ở Đại hội Đảng lần thứ 19 đã vạch ra rằng: Ngày nay, ngay cả dấu vết tự do tư sản trước kia cũng không còn một chút nào nữa; giai cấp tư sản phản động đã chà đạp lên nguyên tắc «tự do cá nhân», bình đẳng giữa mọi người và giữa các dân tộc; chúng đã vứt bỏ ngọn cờ tự do dân chủ tư sản và ngọn cờ bênh vực lợi ích dân tộc.

Giai cấp tư sản vứt bỏ tự do dân chủ tư sản và vứt bỏ việc bênh vực lợi ích dân tộc, điều đó chứng minh chúng đã trở nên suy yếu hơn nhiều. Giai cấp tư sản, kẻ thù chủ yếu của phong trào giải phóng, đã trở thành phản động hơn, chúng đã mất liên hệ với nhân dân, vì thế mà tự chúng đã làm cho chúng suy yếu đi.

Hiện nay, giai cấp vô sản là giai cấp duy nhất có thể đoàn kết mọi lực lượng dân chủ và yêu nước xung quanh mình, nắm vững ngọn cờ bênh vực dân chủ và chủ quyền quốc gia. Điều đó làm cho giai cấp vô sản thêm mạnh và giai cấp tư sản thêm yếu, làm cho các chính đảng cộng sản và dân chủ có thể đoàn kết được dễ dàng đại đa số

nhân dân xung quanh mình, và trở thành lực lượng lãnh đạo của dân tộc, đặt cơ sở thắng lợi cho nhân dân ở hết thảy các nước tư bản.

Cuộc đấu tranh giành quyền lợi giai cấp của giai cấp vô sản trong tình hình hiện nay, liên hệ chặt chẽ với cuộc đấu tranh giành quyền lợi dân chủ nói chung của toàn dân tộc — giành dân chủ, giành độc lập dân tộc cho những nước bị đế quốc Mỹ nô dịch.

Cuộc đấu tranh giành hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh mới cũng mang tính chất dân chủ nói chung. Phong trào bảo vệ hòa bình, đứng về thành phần hay đứng về mục đích mà nói, đều không phải chỉ là phong trào vô sản. Mục đích của nó không phải là lật đổ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nó chỉ có mục đích dân chủ, đấu tranh để bảo vệ hòa bình, ngăn ngừa chiến tranh mới. Nhưng, mặc dù bó hẹp trong nhiệm vụ dân chủ, phong trào bảo vệ hòa bình chỉ có thể trở thành lực lượng lớn mạnh dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Tranh thủ nền hòa bình vững chắc và lâu dài, tổ chức và đoàn kết lực lượng hòa bình để chống lực lượng chiến tranh, đó là nhiệm vụ trung tâm của các Đảng cộng sản và Đảng công nhân trong tình hình hiện nay.

Việc chuẩn bị chiến tranh thế giới mới của đế quốc Mỹ, gặp phải sức phản kháng ngày một mạnh của quần chúng nhân dân. Nhân danh quần chúng nhân dân, những người cộng sản Pháp, Ý và nhiều nước khác ở châu Âu trịnh trọng tuyên bố rằng : nhân dân nước họ, bất cứ lúc nào và bất cứ

trường hợp nào, cũng kiên quyết không đánh nhau với Liên-xô. Chính sách ngoại giao yêu chuộng hòa bình của Liên-xô được quần chúng nhân dân tất cả các nước ủng hộ nhiệt liệt ; mục đích của chính sách ngoại giao ấy là làm dịu tình hình thế giới, cấm dùng vũ khí nguyên tử và các thứ vũ khí giết người hàng loạt khác, tài giảm binh bị và giảm nhẹ thuế khóa. Hoạt động của Hội đồng hòa bình thế giới và hoạt động của Đại hội bảo vệ hòa bình của nhân dân các nước do Hội đồng hòa bình thế giới triệu tập là một cống hiến lớn cho sự nghiệp hòa bình. Cuộc đấu tranh giành hòa bình ở nhiều nước đã trở thành hành động thực tế trực tiếp chống bọn gây chiến : công nhân cự tuyệt không vận chuyển, xếp, dỡ hàng quân sự Mỹ, cự tuyệt không làm hàng quân sự do những nước xâm lược đặt, v.v...

Những người đầu tiên sáng lập ra chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy người vô sản phải ủng hộ mọi phong trào dân chủ chống bọn phản động, đoàn kết quần chúng nhân dân xung quanh mình. Chỉ có khi nào giai cấp vô sản không hành động lẻ loi, mà là lãnh tụ, là người lãnh đạo cuộc đấu tranh dân chủ nói chung thì mới có thể bảo vệ lợi ích của giai cấp mình và đảm bảo cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Sứ mệnh của giai cấp vô sản là trở thành lãnh tụ của cuộc đấu tranh dân chủ nói chung chống bọn phản động đế quốc đe dọa nền an toàn và độc lập dân tộc của nhân dân các nước.

Tư tưởng giai cấp vô sản nắm quyền lãnh đạo là cơ sở cương lĩnh của các Đảng cộng sản Anh,

Ấn, Nhật vạch ra trong thời kỳ sau chiến tranh. Các Đảng cộng sản, trong khi phát triển chủ nghĩa Mác một cách sáng tạo, làm cho chủ nghĩa Mác thích hợp với điều kiện phát triển riêng của từng nước, đã quán triệt tư tưởng đoàn kết đông đảo quần chúng nhân dân xung quanh giai cấp vô sản trong cương lĩnh của mình.

Cương lĩnh của Đảng cộng sản Anh đã quy định con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của nước Anh, đề ra nhiệm vụ xây dựng chính quyền nhân dân. Bản cương lĩnh vạch rõ điều kiện quan trọng nhất của việc xây dựng chính quyền nhân dân là thành lập khối liên minh nhân dân rộng rãi gồm tất cả các tầng lớp nhân dân lao động. « Khối liên minh rộng rãi gồm tất cả các tầng lớp nhân dân Anh sẽ kiên quyết lật đổ quyền chuyên chế của bọn giàu có kế tục thống trị nước Anh, khối liên minh ấy chỉ có thể xây dựng trên cơ sở giai cấp công nhân thống nhất, giai cấp công nhân là lực lượng và giai cấp quyết định và lãnh đạo khối liên minh ấy, vì giai cấp công nhân quan tâm hơn hết đến cuộc đấu tranh cho xã hội mới ».

Cương lĩnh của Đảng cộng sản Anh là cương lĩnh cải tạo bằng cách mạng xã hội chủ nghĩa, còn cương lĩnh của Đảng cộng sản Nhật thì quy định việc thực hiện cải tạo dân chủ — phản phong phản đế — là nhiệm vụ bức thiết nhất. Đảng cộng sản Nhật nêu ra : việc thành lập Mặt trận dân chủ giải phóng dân tộc thống nhất là điều kiện quyết định của sự cải tạo ấy ; cơ sở của Mặt trận ấy là

liên minh công nông; các tầng lớp dân chủ đông đảo (trong đó gồm cả một phần lớn của giai cấp tư sản dân tộc) quan tâm đến việc đưa nước Nhật thoát khỏi ách chiếm đóng của đế quốc Mỹ, đều tham gia vào mặt trận ấy.

Đoàn kết cách mạng và thống nhất cách mạng trong bản thân hàng ngũ giai cấp vô sản là điều kiện quan trọng nhất để giai cấp vô sản có thể tranh thủ đông đảo quần chúng nhân dân về phía mình, trong cuộc đấu tranh thực hiện cách mạng dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Kinh nghiệm lịch sử chứng minh rằng phàm nơi nào mà giai cấp vô sản bị chia rẽ vì chính sách phản bội của bọn thủ lĩnh đảng Xã hội cánh hữu, thì thế nào cũng bị bọn đế quốc phản động làm cho thất bại.

Chính sách chia rẽ phong trào công nhân là vũ khí hạng nhất mà đế quốc dùng để đàn áp lực lượng dân chủ và lực lượng xã hội chủ nghĩa, hạ thấp mức sinh hoạt của người lao động và gây ra chiến tranh. Muốn xây dựng được sự thống nhất của giai cấp công nhân thì phải đấu tranh chống chính sách phản bội của bọn thủ lĩnh đảng Xã hội cánh hữu truyền bá ảnh hưởng tư sản vào phong trào công nhân và gây chia rẽ trong hàng ngũ công nhân. Phương pháp quan trọng nhất để tranh thủ sự thống nhất phong trào công nhân là sách lược mặt trận thống nhất, là liên hiệp hành động của công nhân lại xung quanh yêu cầu kinh tế và yêu cầu chính trị cụ thể mà toàn thể công nhân đều quan tâm thực hiện, sự liên hiệp ấy phải thực hiện

từ dưới lên, bất chấp sự phản đối của những phần tử lớp trên trong đảng Xã hội cánh hữu.

Sự thống nhất của giai cấp công nhân là then chốt để giành thắng lợi quyết định trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Nếu giai cấp công nhân có thể hành động đoàn kết nhất trí, thì sẽ có sức mạnh phi thường, không có một lực lượng xã hội nào có thể ngăn nổi. Chính vì thế nên Đảng cộng sản nêu cho mình nhiệm vụ là hết sức đạt tới sự thống nhất hành động của giai cấp công nhân, tranh thủ các tầng lớp nông dân lao động đông đảo về phía mình, tổ chức khối liên minh vững chắc giữa giai cấp vô sản và nông dân, đoàn kết công nhân và nông dân thành đội quân thống nhất, hùng mạnh có thể đương đầu với phái phản động và lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa. Đội quân ấy đang được rèn luyện trong cuộc đấu tranh giai cấp ngày một phát triển không thể nào tránh khỏi ở các nước tư bản.

Đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản phát triển không đều. Sở dĩ phong trào công nhân ở những nước như Mỹ, Anh tương đối yếu, một trong những nguyên nhân là giai cấp tư sản các nước ấy còn có thể dùng lợi nhuận bóc lột được của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc để mua chuộc các phần tử lớp trên trong giai cấp công nhân. Nhưng tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thêm trầm trọng, phong trào giải phóng ở thuộc địa và các nước phụ thuộc phát triển đã thu hẹp khả năng ấy lại, làm lay chuyển hậu phương của đế quốc, xúc tiến việc cách mạng hóa giai cấp

công nhân ở các nước đế quốc chủ yếu, xúc tiến việc liên hợp mọi lực lượng cách mạng và sự thắng lợi của những lực lượng ấy.

7. — CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN LÀ SỰ TIẾP TỤC ĐẤU TRANH GIAI CẤP DƯỚI HÌNH THỨC MỚI. GIAI CẤP VÀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐẾN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Kinh nghiệm của Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân đã chứng thực nguyên lý sau đây của những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin: giai cấp công nhân giành chính quyền, xây dựng chuyên chính vô sản là điều kiện quyết định việc tiêu diệt giai cấp bóc lột và sau đó tiêu diệt giai cấp nói chung.

Muốn tiêu diệt giai cấp, thì trước hết phải tiêu diệt chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, và xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Bước đầu tiên quan trọng nhất để giải quyết nhiệm vụ ấy là tịch thu tư liệu sản xuất của giai cấp bóc lột tức là địa chủ và tư sản.

Ở Nga, cách mạng xã hội chủ nghĩa đã từng phải giải quyết những nhiệm vụ căn bản của nó cùng một lúc với những nhiệm vụ mà cách mạng tư sản

dân chủ chưa hoàn thành. Ngay từ hôm đầu tiên mới thành lập, chính quyền xô viết đã thông qua sắc lệnh ruộng đất; theo sắc lệnh đó, chế độ tư hữu ruộng đất vĩnh viễn bị xóa bỏ, ruộng đất địa chủ, ruộng đất nhà vua, ruộng đất nhà thờ đều bị tịch thu không bồi thường và giao cho nhân dân lao động sử dụng không phải trả tiền. Kết quả thực hiện sắc lệnh ấy là nông dân đã được hơn 150 triệu mẫu Nga ruộng đất của địa chủ, và đã tiêu diệt chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ. Như thế không những có thể chấm dứt tàn tích chế độ nông nô tàn khốc, mà còn có thể tranh thủ đông đảo quần chúng nông dân bị địa chủ áp bức về phía giai cấp vô sản, về phía cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Để đập tan cơ sở của kinh tế tư bản chủ nghĩa, xây dựng cơ sở của kinh tế xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản thắng lợi đã thực hiện trong mấy tháng từ cuối năm 1917 đến giữa năm 1918 việc quốc hữu hóa đại công nghiệp, ngân hàng, đường sắt, tầu buôn, mậu dịch với nước ngoài, v.v...

Quốc hữu hóa công nghiệp và ngân hàng, tức là xóa bỏ chế độ tư hữu về công xưởng, ngân hàng và các xí nghiệp khác, đồng thời chuyển những thứ ấy thành tài sản của toàn dân, kết quả là : 1) tước đoạt tài sản của giai cấp đại tư sản, sau đó lại tước đoạt tài sản của cả giai cấp tư sản hạng trung, do đó mà đã tiêu diệt được giai cấp đại tư sản bằng vũ lực ; 2) tiêu diệt địa vị lệ thuộc về tài chính và về các mặt khác của nước Nga vào tư bản quốc tế ; 3) làm cho một số lớn trong

giai cấp công nhân (toàn thể công nhân làm việc trong những xí nghiệp đã quốc hữu hóa) thoát khỏi ách bóc lột, do đó mà biến giai cấp công nhân từ một giai cấp bị bóc lột, mất hết tư liệu sản xuất, thành một giai cấp thoát khỏi ách bóc lột, và cùng với toàn thể nhân dân làm chủ công xưởng, v.v... ; 4) xây dựng được thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, thành phần ấy bao gồm những mạch máu kinh tế quốc dân, và dần dần có tác dụng chủ đạo trong sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

Chế độ kinh tế xã hội trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa xã hội là chế độ kinh tế có nhiều thành phần. Trong thời kỳ đầu của cách mạng ở nước Nga xô viết, có 5 thành phần kinh tế. Trong đó có 3 hình thức kinh tế cơ bản hoặc thành phần kinh tế cơ bản có ý nghĩa quan trọng nhất là : kinh tế xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư bản tư nhân và sản xuất hàng hóa nhỏ. Thích ứng với 3 thành phần kinh tế đó, có 3 giai cấp : giai cấp công nhân, nông dân lao động không bóc lột lao động của người khác, và những phần tử tư bản đã bị hất xuống địa vị giai cấp thứ yếu, không phải cơ bản (tàn dư của giai cấp tư sản thành thị và của phú nông ở nông thôn).

Hiện nay ở các nước dân chủ nhân dân Trung Âu và Đông-Nam Âu, cũng có những thành phần kinh tế giống như thế, vì vậy cũng có những giai cấp giống như thế ; các nước ấy dựa vào kinh nghiệm và sự giúp đỡ của Liên-xô, đang thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Ở

những nước ấy, trong thời kỳ đầu khi mới thoát khỏi ách áp bức phát xít, đã giải quyết nhiệm vụ cách mạng dân chủ tư sản ; nhất là năm 1945 — 1946, theo gương nước Xô-viết, đã thực hiện cuộc cải cách ruộng đất. Nhưng khác nhau với nước Nga xô viết, ở các nước này, ruộng đất không quốc hữu hóa, mà chuyển thuộc quyền sở hữu tư nhân của nông dân. Các Đảng cộng sản và Đảng công nhân đã xét rằng : ở nhiều nước tư bản, sau khi lật đổ chế độ cũ, chính quyền mới không thể xóa bỏ ngay chế độ tư hữu ruộng đất, vì ở đấy chế độ tư hữu nhỏ đã tồn tại hàng mấy trăm năm, và nông dân sẽ có thể coi việc xóa bỏ chế độ tư hữu ấy là ý định cướp đoạt của nông thôn. Chính quyền dân chủ nhân dân, sau khi phân phối ruộng đất phong kiến lớn và chuyển ruộng đất ấy thuộc về quyền sở hữu của nông dân, đã tiêu diệt giai cấp địa chủ và thu hút nông dân lao động về phía giai cấp vô sản. Ngoài những cải cách dân chủ cách mạng ra, trong giai đoạn đầu của cách mạng, ở các nước dân chủ nhân dân đã thực hiện một số cải cách theo hướng xã hội chủ nghĩa. Đi theo với bước quá độ sang giai đoạn thứ hai của cách mạng — bước quá độ sang giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa — các nước dân chủ nhân dân đã quốc hữu hóa đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, ngân hàng, vận tải, v.v... Việc giải quyết những nhiệm vụ ấy (ở số lớn các nước dân chủ nhân dân làm vào khoảng năm 1947 — 1948) đảm bảo cho việc tiêu diệt giai cấp đại tư sản.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa xã hội, việc nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại là điều không thể tránh khỏi, vì tiền đề của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong các ngành kinh tế khác nhau, chín muồi không đều nhau. Ở Nga (cũng giống như ở nhiều nước tư bản khác), chủ nghĩa tư bản đã tập trung tư liệu sản xuất trong công nghiệp đến một mức độ làm cho sau khi cách mạng vô sản thắng lợi, có thể tước ngay lấy những tư liệu sản xuất đó trong tay giai cấp tư sản, và biến thành tài sản của cả xã hội. Trong nông nghiệp, mặc dù chủ nghĩa tư bản đã phát triển, nhưng tư liệu sản xuất vẫn phân tán trong tay hàng ngàn hàng vạn tiểu chủ. Vì thế mà sản xuất hàng hóa nhỏ vẫn tồn tại sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi rồi; điều đó cũng không thể tránh khỏi. Việc phân phối ruộng đất của địa chủ ở nước Nga xô viết càng tăng thêm số nông hộ nhỏ; và đến nửa cuối năm 1918, hội đồng bần nông tịch thu tài sản của một số phú nông, kết quả là số trung nông tăng thêm; trung nông trở thành nhân vật trung tâm trong nông nghiệp ở thời kỳ quá độ.

Nếu bước thứ nhất của việc tiêu diệt giai cấp là xóa bỏ chế độ tư hữu của giai cấp bóc lột, thì bước thứ hai là xã hội hóa tư liệu sản xuất của những người sản xuất hàng hóa nhỏ. Sản xuất hàng hóa nhỏ là nguồn gốc kinh tế sâu sắc nhất của chủ nghĩa tư bản. Như Lê-nin đã nêu ra, ngay trong điều kiện của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa xã hội, sản xuất hàng hóa nhỏ

cũng vẫn thường xuyên, hàng ngày hàng giờ và tự phát đẻ ra chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản.

Nhưng tiêu diệt chế độ tư hữu nhỏ của người lao động không thể đi theo con đường như khi tiêu diệt chế độ tư hữu lớn của bọn bóc lột, tức là con đường tịch thu. Con đường ấy — con đường mà những phần tử tờ-rốt-skít, kẻ thù của chủ nghĩa Lê-nin, đã từng có ý định đẩy Đảng đi theo — sẽ đưa nền chuyên chính vô sản đến chỗ chết, vì chỉ có được nông dân lao động ủng hộ, chỉ có liên minh với nông dân lao động, giai cấp vô sản mới giữ vững được chính quyền.

Đối với bọn bóc lột, nhiệm vụ của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa là thẳng tay trấn áp sự phản kháng của chúng và tịch thu tư liệu sản xuất mà chúng đã chiếm. Đối với quần chúng nông dân và những người lao động nói chung, thì nhiệm vụ của chuyên chính vô sản lại khác hẳn: không phải đàn áp họ mà là giúp đỡ họ về mọi mặt và lôi cuốn họ tham gia công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

Kinh nghiệm của Liên-xô chứng minh rằng: sự xây dựng và củng cố khối liên minh của giai cấp vô sản với nông dân lao động, trước hết là với trung nông, quyết định vận mệnh của chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ nội chiến ở Liên-xô, khối liên minh công nông có tính chất chính trị quân sự, nó dựa trên cơ sở lợi ích chung của giai cấp công nhân và nông dân lao động là đánh tan bọn can thiệp và bọn bạch vệ. Trong thời kỳ kiến thiết hòa bình, Đảng cộng sản làm cho khối liên

minh giữa giai cấp công nhân và nông dân lao động được củng cố vững chắc trên cơ sở kinh tế mới. Điều mà giai cấp công nhân và nông dân lao động đều quan tâm đến trong khi khôi phục kinh tế quốc dân bị chiến tranh tàn phá là làm cho nông nghiệp phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Con đường phát triển tư bản chủ nghĩa chỉ có thể làm cho đại đa số nông dân phá sản. Điều đó quyết định lợi ích căn bản của nông dân lao động nhất trí với lợi ích của giai cấp công nhân.

Đồng thời trong nội bộ khối liên minh công nông, về những vấn đề cục bộ và hàng ngày, cũng không thể tránh khỏi có một số mâu thuẫn. Giai cấp công nhân và nông dân tư hữu không những là giai cấp khác nhau về địa vị kinh tế, mà còn là những giai cấp có xu hướng kinh tế khác nhau. Xu hướng xã hội chủ nghĩa là đặc điểm của giai cấp vô sản; còn xu hướng tư bản chủ nghĩa hàng hóa là đặc điểm của nông dân, tức giai cấp những người tư hữu. Tuy đứng về địa vị mà nói, nông dân không phải là giai cấp xã hội chủ nghĩa, nhưng nông dân là giai cấp lao động, nên nông dân có thể và nhất định sẽ được thu hút vào con đường kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin, khi nhấn mạnh sự cần thiết của khối liên minh công nông. dạy chúng ta rằng : muốn có thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, không phải chúng ta cần đến bất cứ khối liên minh nào, trái lại chúng ta chỉ cần một khối liên minh trong đó giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo,

và khối liên minh đó phải nhằm mục đích củng cố chuyên chính vô sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong những bài văn và diễn thuyết bàn về chính sách kinh tế mới của Lê-nin, nhất là trong mấy bài văn cuối cùng vào khoảng tháng 1 đến tháng 3 năm 1923, như « Bàn về chế độ hợp tác », « Cải tổ việc kiểm tra công nông như thế nào », « Thà ít mà tốt », Lê-nin đã quy định một cách khoa học con đường thu hút nông dân lao động tham gia vào công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Lê-nin vạch rõ rằng : Sau khi giai cấp vô sản giành chính quyền và tịch thu tài sản của địa chủ và của bọn tư bản, thì cần phải dốc toàn lực vào việc phát triển một nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa đủ sức trang bị lại cho nông nghiệp và chuyển nông nghiệp lên cơ sở kỹ thuật mới ; cần phải dần dần liên hợp tiểu nông và trung nông vào hợp tác xã sản xuất ; cần phải dùng việc lưu chuyển hàng hóa để kết hợp kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, hết sức phát triển thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, và gạt bỏ những phần tử tư bản ra khỏi việc lưu chuyển hàng hóa. Những nguyên lý có tính chất cương lĩnh ấy của Lê-nin là cơ sở của chính sách công nghiệp hóa quốc gia và tập thể hóa kinh tế nông dân, chính sách ấy được phát huy toàn diện và được giải thích một cách khoa học trong các tác phẩm của Sta-lin và trong quyết nghị của Đảng cộng sản và của Chính phủ Liên-xô.

Kết quả của việc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là : tỷ lệ của thành phần kinh tế xã hội

chủ nghĩa trong nền kinh tế quốc dân tăng thêm và những phần tử tư bản tư nhân bị gạt ra khỏi công nghiệp và thương nghiệp. Công nghiệp xã hội chủ nghĩa phát triển chứng tỏ lực lượng và ảnh hưởng của giai cấp công nhân trong nước được tăng tiến. Việc công nghiệp hóa quốc gia theo hướng xã hội chủ nghĩa đã sáng tạo tiền đề vật chất cho việc cải tạo nông nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa, và việc giai cấp công nhân giúp đỡ nông dân lao động về mặt sản xuất lại củng cố thêm khối liên minh công nông. Những việc đó tạo điều kiện cho đông đảo nông dân tham gia nông trang tập thể, và làm cho việc tiêu diệt giai cấp bóc lột cuối cùng và đông người nhất — giai cấp phú nông — trên cơ sở tập thể hóa toàn thể hóa toàn bộ, trở thành việc có thể làm được.

Việc tiêu diệt giai cấp bóc lột có địa vị quan trọng lâu năm trong sản xuất nông nghiệp như thế, chỉ có trải qua con đường tịch thu bằng bạo lực, mới thực hiện được. Lê-nin đã dự đoán trong Đại hội đại biểu Đảng cộng sản (Bôn-sê-vích) Liên-xô lần thứ XI năm 1922 rằng : rồi đây giai cấp công nhân và nông dân lao động sẽ phải quyết chiến lần cuối cùng với chủ nghĩa tư bản lớn lên từ nền kinh tế tiểu nông. Đảng cộng sản và chính quyền xô viết đã phát động quần chúng bần nông và trung nông tiến hành cuộc đấu tranh ấy và cuối năm 1929 đã thực hiện bước chuyển biến lịch sử từ chính sách gạt dần và hạn chế thành phần tư bản chủ nghĩa sang chính sách tiêu diệt giai cấp phú nông. Do kết quả tập thể hóa toàn bộ kinh tế

nông dân và tịch thu tài sản của giai cấp phú nông, nên : 1) đã tiêu diệt giai cấp phú nông là giai cấp bóc lột cuối cùng và đông người nhất ; 2) làm cho giai cấp lao động đông người nhất tức là giai cấp nông dân bước lên con đường xã hội chủ nghĩa ; 3) xây dựng cơ sở xã hội chủ nghĩa trong ngành kinh tế quốc dân rộng rãi nhất, quan trọng nhất mà trước kia lại lạc hậu nhất của Liên-xô, tức là nông nghiệp.

Khi phân tích con đường tiêu diệt giai cấp, Lê-nin đã trình bầy rõ vấn đề hình thức mới của cuộc đấu tranh giai cấp trong thời đại chuyên chính vô sản. Sau khi xây dựng nền chuyên chính vô sản, đấu tranh giai cấp không mất đi, mà chỉ thay đổi hình thức, về nhiều mặt thì lại trở nên gay gắt hơn, tàn khốc hơn. Sau cách mạng xã hội chủ nghĩa, những biến đổi cơ bản trong tình hình đấu tranh giai cấp là : giai cấp công nhân đã tiến hành đấu tranh giai cấp với tư cách là giai cấp thống trị, giai cấp công nhân dùng toàn bộ công cụ chính quyền Nhà nước để chống với kẻ thù của mình. Vì thế, những hình thức đấu tranh giai cấp trước kia của giai cấp vô sản nay không dùng được nữa. Bãi công, tẩy chay, khởi nghĩa và các hình thức đấu tranh tương tự như thế không còn là vũ khí của giai cấp công nhân nữa, mà ngược lại trở thành vũ khí của kẻ thù giai cấp của giai cấp công nhân. Sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, thì cuộc đấu tranh mới của giai cấp công nhân bằng hình thức Nhà nước được đặt lên hàng đầu. Trong bản thảo quyển : « Bàn về chuyên chính

vô sản », Lê-nin đã vạch ra năm hình thức và nhiệm vụ mới của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ nhất, *trấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột* là hình thức mới của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Sự phản kháng của giai cấp bóc lột sau khi đã bị lật đổ trở nên đặc biệt gay gắt, chúng đấu tranh để giật lại chính quyền và của cải đã mất với một sự cố gắng và một lòng căm hờn lớn gấp năm gấp mười khi trước.

Thứ hai, khi chuyên chính vô sản mới chỉ thắng lợi ở một nước và còn bị chủ nghĩa tư bản bao vây thì sự phản kháng của bọn bóc lột sẽ đưa đến *nội chiến* không thể nào tránh khỏi. Đó là hình thức đấu tranh giai cấp gay gắt nhất của giai cấp vô sản. Vì liên hệ quốc tế nhiều mặt của bọn tư bản, nên công nhân và nông dân Liên-xô không những bắt buộc phải tiến hành từ 1918 đến 1920 cuộc nội chiến chống bọn địa chủ và tư bản đã bị cách mạng lật đổ, mà còn bắt buộc phải chống lại với các nước ngoài vũ trang can thiệp.

Thứ ba, sự lãnh đạo của Nhà nước *đối với giai cấp tiểu tư sản, nhất là nông dân* là hình thức đấu tranh giai cấp mới. Các tầng lớp lao động tiểu tư sản chiếm địa vị trung gian, không những là người lao động, mà còn là người sở hữu tư liệu sản xuất nhỏ, nghiêng ngả giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Chính quyền Nhà nước là công cụ quan trọng nhất của giai cấp công nhân dùng để lôi cuốn người bạn đồng minh dao động,

không ổn định ấy ngả về phía mình. Lê-nin dạy chúng ta rằng, chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo của một giai cấp, của giai cấp vô sản đối với toàn thể những người lao động.

Thứ tư, ảnh hưởng của giai cấp công nhân đối với mọi tầng lớp trí thức tư sản cũng là một hình thức đấu tranh giai cấp nhằm mục đích *sử dụng các chuyên gia tư sản* vào việc kiến thiết xã hội mới. Giai cấp vô sản đã nắm chính quyền, nhưng chưa có đầy đủ kinh nghiệm và trí thức về quản lý và lãnh đạo kinh tế. Vì thế cần phải làm cho các chuyên gia tư sản phục vụ cho mình, lợi dụng kinh nghiệm và trí thức của họ, đồng thời phải cải tạo họ. Sở dĩ việc sử dụng chuyên gia tư sản mang tính chất đấu tranh giai cấp, là vì giai cấp vô sản thắng lợi phải khắc phục sự phản kháng của họ, dùng sức mạnh để ngăn ngừa những âm mưu lẫn công, phá hoại ngầm, v. v...

Thứ năm, *giáo dục cho toàn thể nhân dân lao động kỷ luật mới* — kỷ luật lao động, kỷ luật xã hội, kỷ luật Nhà nước — là hình thức đấu tranh giai cấp mới của giai cấp vô sản. Giai cấp vô sản không những phải khắc phục sự phản kháng của kẻ thù giai cấp, mà còn phải khắc phục sự phản kháng của các tập đoàn và tầng lớp lao động lạc hậu đã tiêm nhiễm tập quán và truyền thống của chủ nghĩa tư bản. Lê-nin viết : « Chả nhẽ cuộc đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa xã hội lại không phải là để bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân khỏi bị tổn hại vì một số rất ít công nhân, tập đoàn công

nhân, tầng lớp công nhân cứ ngoan cố giữ truyền thống (thói quen) của chủ nghĩa tư bản và tiếp tục đối xử với Nhà nước xô viết bằng quan điểm cũ: làm cho « nó » ít hơn và xấu hơn, nhưng lấy của « nó » nhiều tiền hơn, hay sao (1)? »

Việc giáo dục kỷ luật mới, chủ yếu là dùng phương pháp thuyết phục. Nhưng việc giáo dục ấy cũng phải nghĩ đến phương pháp cưỡng bức, nghĩa là phải dùng phương pháp cưỡng bức để chống bọn lưu manh, lười nhác, tham lam và lừa bịp, v. v... Chính quyền Nhà nước vô sản thực hiện sự cưỡng bức đó bằng cách dựa vào pháp luật, vào những quy định và chế độ do Nhà nước đặt ra.

Do đó thấy rằng chính quyền Nhà nước trở thành công cụ đấu tranh chủ yếu của giai cấp vô sản chống các lực lượng và truyền thống của chủ nghĩa tư bản không những về mặt chính trị và kinh tế, mà còn cả về mặt giáo dục tư tưởng nữa. Chính vì thế, nên trong quyển « Bệnh ấu trĩ « phái tả » trong phong trào cộng sản », Lê-nin đã vạch ra rằng: chuyên chính vô sản là cuộc đấu tranh bền bỉ dẻo dai bằng mọi hình thức, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, quân sự và kinh tế, giáo dục và hành chính nhằm chống lại các lực lượng và truyền thống của xã hội cũ.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh giai cấp không phải bị dập tắt đi, mà trở nên gay gắt. Chủ nghĩa Lê-nin đã bóc trần « thuyết » dập tắt đấu tranh giai cấp của bọn phục hồi giai cấp tư sản, « lý luận »

---

(1) Lê-nin: « Bàn về tính chất của báo chí chúng ta ».

ấy được bọn Bu-kha-rin là những kẻ bênh vực cho giai cấp phú nông, tuyên truyền. Sta-lin nói : « Trong lịch sử xưa nay chưa từng có trường hợp nào giai cấp rẫy chết tự động rút lui. Trong lịch sử chưa từng có trường hợp nào giai cấp rẫy chết không dốc toàn lực để giữ lấy sự sống còn của chúng (1).» Các phần tử tư bản chủ nghĩa bị sự phát triển của chủ nghĩa xã hội gạt bỏ, tuy đã mất cơ sở, nhưng vẫn không ngừng phản kháng, trái lại, nó còn xoay ra dùng những thủ đoạn và hình thức đấu tranh gay gắt nhất.

Vòng vây của chủ nghĩa tư bản, thù địch với chính quyền Xô-viết, dốc toàn lực để nâng đỡ tàn dư của giai cấp bóc lột trong nước ta. Do sự liên hiệp của hai lực lượng chống Xô-viết là đế quốc Anh, Pháp, Mỹ, Nhật ở bên ngoài và thế lực phản cách mạng tư sản địa chủ trong nội bộ nước Nga, nên năm 1918 — 1920 đã xảy ra cuộc can thiệp vũ trang chống lại chính quyền Xô-viết. Khi cuộc can thiệp vũ trang đã phá sản, và công nhân, nông dân nước Xô-viết mở rộng công cuộc kiến thiết hòa bình, thì kẻ thù của chính quyền Xô-viết lại định dùng phương pháp tổ chức những hành động hại ngầm để ngăn trở. Hành động hại ngầm là một hình thức can thiệp kinh tế ; cũng như can thiệp bằng vũ trang, nó là kết quả của sự liên hiệp giữa hai lực lượng chống Xô-viết : tư bản quốc tế và tập đoàn chuyên gia tư sản thù ghét chính quyền Xô-viết.

---

(1) Sta-lin : « Vấn đề chủ nghĩa Lê-nin ».

Trong số những lực lượng đối địch mà giai cấp tư sản quốc tế dùng để phá hoại Nhà nước xã hội chủ nghĩa, thì tàn dư của những đảng phái, tập đoàn, trào lưu chống chủ nghĩa Lê-nin đã bị Đảng cộng sản phá tan như bọn men-sơ-vích, đảng xã hội cách mạng, bọn tờ-rốt-skit, bọn theo phái Di-nô-vi-ép, bọn theo phái Bu-kha-rin, bọn có khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa, v. v... chiếm địa vị đặc biệt. Toàn bộ hoạt động của những tập đoàn hằn thù chủ nghĩa xã hội ấy phản ánh sự phản kháng của những giai cấp bóc lột đã bị đập tan. Những tập đoàn này đã bị đập tan về chính trị và về tư tưởng và đã bị nhân dân lao động không đếm xỉa đến nữa, nhưng chúng đã biến thành bọn côn đồ làm gián điệp, hại ngầm, giết người, không từ một thủ đoạn nào để làm hại nhân dân. Vụ án năm 1935 – 1937 xử những phần tử tờ-rốt-skit, Bu-kha-rin làm gián điệp, phá hoại ngầm, hung thủ giết người, chứng minh rằng những tên cầm đầu bọn chó săn ấy đã làm thuê cho cơ quan gián điệp ngoại quốc ngay từ những ngày đầu của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, chúng đã âm mưu chống lại Đảng cộng sản và chính quyền xô-viết, đã hành động theo chỉ thị của đế quốc nước ngoài như những tên tay sai làm thuê.

Năm 1937, Sta-lin đã nói :

« Cần phải chú ý rằng : tàn dư của những giai cấp đã bị đánh đổ ở Liên-xô không phải là cô lập. Chúng được kẻ thù của chúng ta bên ngoài Liên-xô nâng đỡ. Cho rằng phạm vi đấu tranh giai cấp chỉ bó hẹp trong bờ cõi Liên-xô là sai lầm. Nếu một

đầu của mặt trận đấu tranh giai cấp hoạt động trong bờ cõi Liên-xô, thì đầu kia của nó lại kéo dài tới đất nước các nước tư sản bao vây chúng ta. Về điểm này, những tàn dư của các giai cấp đã bị đánh gục không thể không biết. Chính vì chúng biết điều đó, nên từ nay về sau chúng sẽ tiếp tục những cuộc tập kích liều mạng.

Lịch sử dạy chúng ta như thế. Chủ nghĩa Lê-nin dạy chúng ta như thế ( ).»

Vì thế Đảng cộng sản dạy nhân dân lao động phải giữ vững cảnh giác cách mạng.

Kinh nghiệm các nước dân chủ nhân dân cũng chứng thực rằng : trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh giai cấp trở nên gay gắt là một điều không thể tránh khỏi. Sự có mặt của Liên-xô đã quyết định một số tính chất riêng biệt trong hình thức đấu tranh giai cấp ở các nước ấy. Nếu nói ở nước Nga xô viết vào khoảng năm 1918 — 1920, công nhân và nông dân đã thắng lợi không thể không tiến hành cuộc nội chiến chống bọn phản cách mạng trong nước và bảo vệ nước mình chống nước ngoài can thiệp bằng vũ trang, thì ở các nước dân chủ nhân dân Trung Âu và Đông Nam Âu nhờ có sự ủng hộ của Liên-xô nên kẻ thù không thể gây ra nội chiến được. Cũng vì lẽ ấy nên bọn đế quốc cũng không thể tổ chức can thiệp vũ trang để chống lại những nước này như ở Hy-lạp được.

---

(1) Sta-lin : « Bàn về khuyết điểm của công tác Đảng và phương pháp tiêu diệt các phần tử tờ-rốt-skit hai mặt và các phần tử hai mặt khác. »

Nhưng như thế không có nghĩa là các nước dân chủ nhân dân có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường hòa bình, không cần đấu tranh giai cấp hoặc đấu tranh giai cấp không gay gắt như những lời vũ đoán của bọn phản bội cơ hội chủ nghĩa cánh hữu và bọn dân tộc chủ nghĩa đã lén lút vào hàng ngũ các Đảng cộng sản và Đảng công nhân. Trái lại, việc kiến thiết chủ nghĩa xã hội một cách thuận lợi của các nước dân chủ nhân dân, đã làm cho kẻ thù giai cấp trong và ngoài của những nước ấy càng phản kháng mãnh liệt hơn; điều đó hoàn toàn hợp với quy luật. Phe đế quốc do tập đoàn thống trị nước Mỹ cầm đầu quyết không cam tâm để yên cho nhân dân Trung Âu và Đông Nam Âu thoát hẳn xiềng xích đế quốc. Đế quốc phản động dùng đủ mọi thủ đoạn đê hèn, bẩn thỉu và nham hiểm nhất, như: tổ chức gây chia rẽ, tiến hành hoạt động gián điệp, âm mưu phá hoại, đốt phá, ám sát, chuẩn bị can thiệp vũ trang để làm cho chế độ tư bản được khôi phục lại ở các nước đó và phá hoại công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội, làm cho những nước ấy quay đầu chống lại Liên-xô.

Mọi âm mưu phản cách mạng trong các nước dân chủ nhân dân (âm mưu của Mi-cơ-la-xic ở Ban-lan, âm mưu của Pê-tờ-cớp ở Bun-ga-ri, âm mưu của Phê-ren-xơ Nát-giơ ở Hung-ga-ri, âm mưu của Man-niu ở Ru-ma-ni, cuộc rối loạn tháng 2-1948 ở Tiệp v.v...), cũng giống như vụ khiêu khích ở Béc-lanh ngày 17-6-1953, trước hết là do đế quốc Mỹ và đế quốc Anh xui xiểm, điều khiển.

Để làm cho giai cấp công nhân suy yếu và để phá hoại các Đảng cộng sản và Đảng công nhân từ trong nội bộ, những cơ quan gián điệp của đế quốc đã dùng đủ mọi thủ đoạn, tung bọn chó săn gian tế do chúng nuôi dạy vào các đảng nói trên và mua chuộc những bọn phản bội. Điều đó chứng minh rằng thế lực đế quốc phản động đấu tranh chống dân chủ và chủ nghĩa xã hội với một lòng oán thù và tàn khốc đến mức nào, giai cấp bóc lột và bọn tay sai của chúng đã đấu tranh chống nhân dân lao động bằng những thủ đoạn nham hiểm đến mực nào.

Kinh nghiệm đấu tranh giai cấp dạy người lao động ở các nước trên thế giới rằng : đối với kẻ thù của nhân dân, phải giữ vững cảnh giác cách mạng và tinh thần đấu tranh không điều hòa.

8 — THẮNG LỢI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN-XÔ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI KẾT CẤU GIAI CẤP TRONG XÃ HỘI XÔ VIẾT

Vì chủ nghĩa xã hội thắng lợi ở Liên-xô, nên trong nền kinh tế Liên-xô có những biến đổi căn bản ; và thích ứng với những biến đổi ấy, trong kết cấu giai cấp của xã hội xô viết cũng phát sinh biến đổi. Sau khi xây dựng chế độ sở hữu xã hội

chủ nghĩa về tư liệu sản xuất trong mọi ngành kinh tế quốc dân, nhân dân lao động Liên-xô đã tiêu diệt hiện tượng người bóc lột người và xóa bỏ mọi giai cấp bóc lột. Trong công nghiệp không còn giai cấp các nhà tư bản, trong nông nghiệp không còn địa chủ và phú nông, trong việc lưu chuyển hàng hóa không còn nhà buôn và bọn đầu cơ nữa.

Căn cứ vào tài liệu điều tra năm 1939, thành phần xã hội của dân cư Liên-xô như sau: công nhân thành thị và nông thôn chiếm 34,2%, viên chức chiếm 17,5%, nông dân tập thể và người làm nghề thủ công vào hợp tác xã chiếm 46,9%, nông dân làm riêng lẻ và người làm nghề thủ công không vào hợp tác xã chiếm 2,6%, người không lao động 0,04%.

Do đó chúng ta thấy, xã hội xã hội chủ nghĩa xô viết là xã hội do hai giai cấp công nhân và nông dân, cùng giới trí thức hợp thành. Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả những tập đoàn xã hội ấy đều có những biến đổi rất sâu sắc.

Giai cấp công nhân ở Liên-xô đã thay đổi. Trong giai cấp công nhân, không còn những người làm trong xí nghiệp tư bản tư nhân nữa, vì ở Liên-xô, không còn những xí nghiệp như thế. Những người vô sản nông nghiệp — những cố nông bị phú nông bóc lột — cũng không còn nữa. Ngày nay tất cả công nhân Liên-xô đều làm việc trong xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã hoàn toàn thoát khỏi bóc lột. Giai cấp công nhân Liên-xô không thể gọi là giai cấp vô sản được nữa,

họ là giai cấp công nhân mới, đã xây dựng lên chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về công cụ sản xuất và tư liệu sản xuất, và đang đưa xã hội xô viết tiến lên con đường cộng sản chủ nghĩa.

Giai cấp nông dân Liên-xô cũng đã biến đổi. Nông dân Liên-xô không những đã thoát khỏi bàn tay bóc lột của địa chủ mà còn thoát khỏi bàn tay bóc lột của phú nông. Họ không phải là giai cấp tư hữu nhỏ nữa, mà tuyệt đại đa số là hội viên của nông trang tập thể. Hội viên nông trang tập thể lao động chung trong nền kinh tế tập thể to lớn, ở đấy đã công hữu hóa những tư liệu sản xuất chủ yếu, và đang sử dụng kỹ thuật nông nghiệp hoàn thiện nhất.

Giới trí thức Liên-xô cũng có những biến đổi sâu sắc. Trước hết là biến đổi về thành phần của giới trí thức : nếu trước cách mạng số lớn phần tử trí thức xuất thân ở quý tộc, tư sản, thầy tu, v.v... thì đến năm 1936, đã có từ 80 đến 90% phần tử trí thức xuất thân từ giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác. Bản thân tính chất hoạt động của giới trí thức cũng thay đổi : nếu trước cách mạng giới trí thức phục vụ cho giai cấp hữu sản, thì giới trí thức xô viết phục vụ cho nhân dân. Do đó chúng ta thấy : trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô, đã xuất hiện giới trí thức xô viết mới, họ liên hệ chặt chẽ như ruột thịt với nhân dân — giai cấp công nhân và nông dân.

Sự nhất trí của xã hội xô viết về tinh thần và về chính trị là kết quả của tất cả những sự biến

đổi ấy trong kết cấu giai cấp của xã hội xô viết. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, không còn có giai cấp đối kháng, thù địch nhau nữa: giai cấp bóc lột đã bị tiêu diệt, còn công nhân, nông dân và trí thức thì sinh hoạt và làm việc với nhau trên cơ sở hợp tác hữu ái. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, không còn những tập đoàn xã hội do địa vị khác nhau trong hệ thống sản xuất mà tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác nữa.

Nhưng như thế vẫn không có nghĩa là mọi sự khác nhau về giai cấp đã mất hết. Để *hoàn toàn tiêu diệt giai cấp*, không những phải xóa bỏ mọi giai cấp bóc lột, xóa bỏ mọi chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, mà còn phải tiêu diệt những sự khác nhau bản chất giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động chân tay và lao động trí óc. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản, đã không còn sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động chân tay và lao động trí óc nữa (vì không còn hiện tượng người bóc lột người), nhưng sự khác nhau bản chất thì vẫn còn. Điều đó chứng tỏ trong xã hội xô-viết, sự khác nhau giữa giai cấp công nhân và nông dân và sự khác nhau giữa các giai cấp ấy với trí thức vẫn còn.

Trong điều kiện xã hội chủ nghĩa, sự khác nhau bản chất nhất giữa thành thị và nông thôn biểu hiện ở chỗ có hai hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa: chế độ sở hữu Nhà nước, và chế độ sở hữu hợp tác xã nông trang tập thể. Chế độ sở hữu Nhà nước mà giai cấp công nhân lấy làm cơ sở, chính là giai đoạn cao trong việc công hữu hóa

tư liệu sản xuất : đó là tài sản của toàn dân ; chế độ sở hữu của nông trang tập thể là tài sản của từng nông trang tập thể, tuy nó cũng là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, chế độ công hữu, nhưng không phải là sở hữu của toàn dân, mà là sở hữu của một tập đoàn. Từ sự khác nhau giữa hai chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa ấy, sinh ra sự khác nhau về địa vị kinh tế của công nhân và nông dân trong hệ thống sản xuất xã hội chủ nghĩa. Căn cứ vào quan hệ đối với tư liệu sản xuất, vào tác dụng trong tổ chức lao động xã hội, vào phương thức thu nhập thì công nhân và nông dân vẫn có chỗ khác nhau, cho nên vẫn là những giai cấp khác nhau.

Vì thế kết cấu giai cấp của xã hội xã hội chủ nghĩa cũng như của các xã hội trước kia, là do hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất tồn tại trong xã hội quyết định.

Sự khác nhau giữa giai cấp công nhân và nông dân phản ánh đặc điểm của con đường đi lên chủ nghĩa cộng sản của những giai cấp ấy. Nhưng khác với thời kỳ quá độ là trong thời kỳ quá độ, giai cấp công nhân và nông dân dựa vào những thành phần kinh tế khác nhau (thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp và thành phần kinh tế hàng hóa nhỏ trong nông nghiệp), còn hiện nay thì những giai cấp ấy có một cơ sở kinh tế chung, tức là hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng lên ở thành thị và nông thôn. Kết quả của việc tập thể hóa nông nghiệp là nông

dân và giai cấp công nhân gần gũi nhau, lợi ích của họ là nhất trí : củng cố chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Khối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân tập thể là cơ sở, là hạt nhân cho sự nhất trí của xã hội xô viết về tinh thần và chính trị. Mục đích của khối liên minh ấy là xây dựng chủ nghĩa cộng sản, và dưới chế độ cộng sản chủ nghĩa, sự khác nhau giữa giai cấp công nhân với nông dân và sự khác nhau giữa những giai cấp ấy với giới trí thức sẽ mất hẳn. Mục đích ấy chỉ có thể thực hiện được trong điều kiện củng cố hơn nữa khối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân.

Quy định tỷ lệ thích đáng giữa tốc độ phát triển của công nghiệp và nông nghiệp là tiền đề cần thiết để củng cố khối liên minh công nông hơn nữa. Đại hội lần thứ 12 của Đảng đã nhấn mạnh rằng : « Quan hệ lẫn nhau hiện có giữa giai cấp công nhân và nông dân nước ta, xét đến cùng thì dựa vào quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp. » Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô tháng 9-1953 và tháng 2, tháng 3 năm 1954 đã đề ra nhiệm vụ sau đây : trong khi hết sức phát triển hơn nữa công nghiệp nặng, phải đảm bảo cho nông nghiệp phát triển nhanh chóng, do đó mà khắc phục hiện tượng không cân đối đã hình thành trong tốc độ phát triển của công nghiệp và của nông nghiệp. Thực hiện nhiệm vụ ấy sẽ đảm bảo cho đời sống vật chất của nông dân tập thể và của toàn thể nhân dân Liên-xô được tăng tiến

dân và giai cấp công nhân gần gũi nhau, lợi ích của họ là nhất trí : củng cố chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Khối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân tập thể là cơ sở, là hạt nhân cho sự nhất trí của xã hội xô viết về tinh thần và chính trị. Mục đích của khối liên minh ấy là xây dựng chủ nghĩa cộng sản, và dưới chế độ cộng sản chủ nghĩa, sự khác nhau giữa giai cấp công nhân với nông dân và sự khác nhau giữa những giai cấp ấy với giới trí thức sẽ mất hẳn. Mục đích ấy chỉ có thể thực hiện được trong điều kiện củng cố hơn nữa khối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân.

Quy định tỷ lệ thích đáng giữa tốc độ phát triển của công nghiệp và nông nghiệp là tiền đề cần thiết để củng cố khối liên minh công nông hơn nữa. Đại hội lần thứ 12 của Đảng đã nhấn mạnh rằng : « Quan hệ lẫn nhau hiện có giữa giai cấp công nhân và nông dân nước ta, xét đến cùng thì dựa vào quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp. » Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô tháng 9-1953 và tháng 2, tháng 3 năm 1954 đã đề ra nhiệm vụ sau đây : trong khi hết sức phát triển hơn nữa công nghiệp nặng, phải đảm bảo cho nông nghiệp phát triển nhanh chóng, do đó mà khắc phục hiện tượng không cân đối đã hình thành trong tốc độ phát triển của công nghiệp và của nông nghiệp. Thực hiện nhiệm vụ ấy sẽ đảm bảo cho đời sống vật chất của nông dân tập thể và của toàn thể nhân dân Liên-xô được tăng tiến

nhanh chóng hơn, và có tác dụng quan trọng đối với việc củng cố thêm khối liên minh công nông.

Khối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân tập thể được củng cố trên cơ sở phát triển hơn nữa quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Việc kết hợp sản xuất giữa thành thị và nông thôn ngày thêm chặt chẽ : thành thị giúp đỡ nhiều cho nông thôn về mặt sản xuất, cung cấp cho nông trang tập thể những kỹ thuật hạng nhất qua các trạm máy nông nghiệp ; các trạm máy nông nghiệp phát triển đã làm cho sự lãnh đạo của Nhà nước đối với nông trang tập thể thêm mạnh mẽ ; Đảng cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa hết sức phát triển sự kết hợp giữa thành thị và nông thôn bằng hình thức hàng hóa, coi thương nghiệp xô viết là một khâu hết sức quan trọng trong cả hệ thống liên hệ về kinh tế và về sản xuất giữa công nghiệp Nhà nước và nông trang tập thể. Việc làm cho hình thức phân phối sản phẩm hiện nay càng hoàn thiện, biện pháp mà Đảng và chính phủ dùng để tăng cường sự quan tâm của nông trang tập thể và của trang viên đối với việc tăng gia nông sản, những việc đó cũng thúc đẩy khối liên minh công nông củng cố thêm.

Đảng cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa không những đã củng cố liên hệ về kinh tế giữa giai cấp công nhân và nông dân tập thể, mà còn củng cố mối liên hệ của những giai cấp ấy về chính trị và văn hóa nữa. Trong điều kiện xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân vẫn là giai cấp tiền tiến nhất, nó thông qua Nhà nước để lãnh

đạo xã hội và lãnh đạo nông dân, khắc phục tàn tích tâm lý tư hữu của họ. Thành thị giúp đỡ nhiều cho nông dân về văn hóa, thúc đẩy việc nâng cao từng bước trình độ văn hóa nông thôn lên ngang trình độ của thành thị.

Trên cơ sở củng cố quan hệ kinh tế, chính trị và văn hóa giữa thành thị và nông thôn, quá trình xóa bỏ ranh giới giai cấp đang diễn ra ở Liên-xô.

Trong quá trình chuyển từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản, việc xóa bỏ ranh giới giữa giai cấp công nhân, nông dân và giới trí thức diễn ra dần dần và không phải đi đôi với một sự xung đột giai cấp nào. Trong các hình thái xã hội có đối kháng, đấu tranh giai cấp bao giờ cũng là động lực thúc đẩy lịch sử phát triển. Trái lại xã hội xã hội chủ nghĩa lại phát triển trên cơ sở hợp tác hữu ái của mọi tập đoàn xã hội hợp thành xã hội xã hội chủ nghĩa.

Xã hội xô viết đã thoát khỏi xung đột giai cấp. Quan hệ giữa các giai cấp họp thành xã hội ấy là quan hệ hữu ái hợp tác. Nhưng như thế quyết không có nghĩa là ở Liên-xô tất cả mọi cơ sở đấu tranh giai cấp đều đã mất hết. Quy luật đấu tranh giai cấp vẫn tiếp tục phát sinh tác dụng trong quan hệ giữa Liên-xô và thế giới tư bản, trong quan hệ giữa chế độ sinh hoạt xã hội chủ nghĩa và tàn tích của chủ nghĩa tư bản trong nước.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, mọi tầng lớp trong xã hội xô viết đều có biến đổi sâu sắc về quan điểm, phong tục, tập quán, và tăng cường thêm ý thức xã hội chủ nghĩa. Song những

tàn tích của chủ nghĩa tư bản vẫn còn trong ý thức của người Liên-xô. Sở dĩ những tàn tích của chủ nghĩa tư bản vẫn còn là vì : Một là ý thức của người ta bao giờ cũng lạc hậu hơn sự biến đổi của tồn tại của người ta ; hai là vòng vây của chủ nghĩa tư bản vẫn còn, mà vòng vây của tư bản lại ra sức làm cho những tàn tích ấy sống lại và nâng đỡ nó.

Sau khi những phần tử tàn dư của giai cấp bóc lột bị đập tan và bị tiêu diệt ở Liên-xô, thì giai cấp tư sản quốc tế không còn chỗ dựa giai cấp trong nội bộ Liên-xô nữa. Do đó mà chúng càng giữ chặt âm mưu lợi dụng những tàn tích của chủ nghĩa tư bản trong ý thức của người Liên-xô : tàn tích của tâm lý tư hữu, tàn tích của đạo đức tư sản, sự sùng bái mù quáng của một số người lẻ tẻ đối với văn hóa tư sản phương Tây, biểu hiện của chủ nghĩa thế giới, chủ nghĩa dân tộc, v.v... Cơ quan gián điệp của đế quốc không những đưa tay chân của chúng từ nước ngoài vào nước xã hội chủ nghĩa, mà còn cố sức lôi kéo những người đã tiêm nhiễm thói quen tiểu tư sản, tiêm nhiễm thành kiến dân tộc và những người có dã tâm chính trị, những phần tử biến chất ở trong nội bộ nước ta. Trong bản báo cáo tổng kết công tác của Trung ương đọc ở Đại hội đại biểu lần thứ 19 của Đảng cộng sản Liên-xô đã nói : xã hội xô viết khó lòng tránh khỏi tiêm nhiễm những quan điểm và tư tưởng trái với quan điểm và tư tưởng của chúng ta, những cái đó hoặc từ nước ngoài vào, từ các nước tư bản tới, hoặc từ ngay trong

nước mà ra, do tàn tích của những tập đoàn thù ghét chính quyền xô-viết chưa bị Đảng ta trừ tận gốc. Sau khi giai cấp bóc lột bị tiêu diệt, ở Liên-xô, những kẻ đại biểu cho quan điểm đạo đức tư sản, kẻ thù bí mật của nhân dân vẫn còn. Vụ án Bê-ri-a, kẻ thù của nhân dân, đã chứng minh điểm ấy. Kẻ thù bí mật ấy được thế giới đế quốc nâng đỡ, hòng ngăn cản xã hội xô viết tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Chính vì thế, nên Đảng cộng sản giáo dục cho nhân dân Liên-xô phải có cảnh giác chính trị cao, phải đấu tranh với những thái độ thờ ơ, qua loa xong chuyện là miếng đất tốt cho những hành vi phá hoại ngầm.

Những người lao động Liên-xô đang xây dựng chủ nghĩa cộng sản, ngày nay đã chĩa mũi nhọn đấu tranh giai cấp của mình vào lực lượng đế quốc đối địch ngoài nước. Nhân dân Liên-xô đã giải quyết vấn đề « ai thắng ai » trong nội bộ nước mình một cách thuận lợi và có lợi cho chủ nghĩa xã hội, nhưng vấn đề ấy ngày nay lại đề ra một cách gay gắt trong quan hệ giữa Liên-xô và các nước đế quốc. « Liên-xô đã tiêu diệt các giai cấp đối kháng trong nội bộ nước mình, và đã đi tới chỗ xã hội xô viết nhất trí về tinh thần và chính trị, cho nên mũi nhọn đấu tranh giai cấp của Liên-xô hiện nay đã hoàn toàn chuyển lên vũ đài quốc tế (1) ».

Cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống : hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa,

---

(1) Ma-len-cốp : « Hội nghị thông tin của đại biểu Đảng cộng sản mấy nước » (cuối tháng 9 năm 1947).

về thực chất là hình thức đấu tranh giai cấp đặc biệt. Đó là cuộc đấu tranh của phe xã hội chủ nghĩa chống phe đế quốc phản động. Cuộc đấu tranh giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc phản động quyết định tiến trình của lịch sử thế giới hiện nay, mọi cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay đều xoay quanh trung tâm đó.

Phe tư bản suy yếu là do những mâu thuẫn nội bộ không thể giải quyết được của nó, những mâu thuẫn ấy tất nhiên đưa nó đến chỗ diệt vong. Bọn đế quốc hòng dùng biện pháp tổ chức những hành động quân sự mạo hiểm và biện pháp gây chiến tranh thế giới mới để giằng co với cái chết, những biện pháp đó chỉ có thể đẩy toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa chóng tới chỗ tan rã. Lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa là ở chỗ nội bộ của nó nhất trí, là ở sự đoàn kết của nhân dân các nước đã thoát khỏi ách áp bức của đế quốc. Liên-xô là nước đầu tiên tiêu diệt giai cấp bóc lột, là nước không còn có đối kháng giai cấp và đã đạt tới chỗ toàn xã hội đoàn kết nhất trí, vững như bàn thạch. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho xã hội xã hội chủ nghĩa hơn hẳn xã hội tư bản chủ nghĩa.

KẾT LUẬN VẮN TẮT

Điểm xuất phát của lý luận giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin là: xã hội chia thành giai cấp là do phương thức sản xuất

về thực chất là hình thức đấu tranh giai cấp đặc biệt. Đó là cuộc đấu tranh của phe xã hội chủ nghĩa chống phe đế quốc phản động. Cuộc đấu tranh giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc phản động quyết định tiến trình của lịch sử thế giới hiện nay, mọi cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay đều xoay quanh trung tâm đó.

Phe tư bản suy yếu là do những mâu thuẫn nội bộ không thể giải quyết được của nó, những mâu thuẫn ấy tất nhiên đưa nó đến chỗ diệt vong. Bọn đế quốc hòng dùng biện pháp tổ chức những hành động quân sự mạo hiểm và biện pháp gây chiến tranh thế giới mới để giằng co với cái chết, những biện pháp đó chỉ có thể đẩy toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa chóng tới chỗ tan rã. Lực lượng của phe xã hội chủ nghĩa là ở chỗ nội bộ của nó nhất trí, là ở sự đoàn kết của nhân dân các nước đã thoát khỏi ách áp bức của đế quốc. Liên-xô là nước đầu tiên tiêu diệt giai cấp bóc lột, là nước không còn có đối kháng giai cấp và đã đạt tới chỗ toàn xã hội đoàn kết nhất trí, vững như bàn thạch. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho xã hội xã hội chủ nghĩa hơn hẳn xã hội tư bản chủ nghĩa.

KẾT LUẬN VẮN TẮT

Điểm xuất phát của lý luận giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin là: xã hội chia thành giai cấp là do phương thức sản xuất

của cải vật chất nhất định quyết định. Đấu tranh giai cấp là quy luật quan trọng nhất của xã hội có tính chất đối kháng và là động lực thúc đẩy lịch sử xã hội ấy phát triển.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin chứng minh rằng: xã hội chia ra giai cấp là một hiện tượng lịch sử; trong một giai đoạn phát triển nào đó của xã hội, tất nhiên sinh ra giai cấp, và ở một giai đoạn phát triển khác của xã hội, thì tất nhiên giai cấp sẽ bị tiêu diệt. Tiêu diệt giai cấp là điều kiện quan trọng nhất làm cho xã hội tiến lên. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản tất nhiên đưa đến chỗ thành lập nền chuyên chính vô sản, mà nền chuyên chính vô sản chính là công cụ, là thủ đoạn để tiêu diệt hiện tượng xã hội chia thành giai cấp, và để xây dựng xã hội cộng sản không có giai cấp.

Lý luận giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã vũ trang cho các Đảng cộng sản và nhân dân lao động tất cả các nước hiểu rằng đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là quy luật không thể tránh khỏi trong lịch sử. Lý luận ấy giải thích chính sách cách mạng của giai cấp vô sản, và thẳng tay vạch trần chính sách phản bội, «điều hòa lợi ích» giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản của bọn cải lương. Lý luận giai cấp, và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy Đảng của giai cấp vô sản không nên dập tắt đấu tranh giai cấp, mà phải tiến hành đấu tranh giai cấp đến thắng lợi cuối cùng, tiến hành đến khi chủ nghĩa tư bản bị lật đổ, và chủ nghĩa cộng sản thắng lợi.

MỤC LỤC

IN TẠI NHÀ IN VINH QUANG 53, HÀNG BỒ HÀ-NỘI
KHỔ 13 × 19. XONG NGÀY 25 THÁNG 3 - 1957
SỐ XB : 372. SỐ IN 40—NỘP LƯU CHIỂU THÁNG 3-57

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Cuốn DUY VẬT LỊCH SỬ
của Công-xtăng-ti-nốp
Đã xuất bản gồm 12 chương in thành 12 tập sách

HIỆU SÁCH NHÂN DÂN PHÁT HÀNH

Loại : CT / B

Giá : 750đ